

MỤC LỤC

PHẦN I. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO.....	2
1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Việt Bắc	2
1.1.1. Kết quả đào tạo trình độ đại học của trường Đại học Việt Bắc.....	3
1.1.2. Khảo sát nhu cầu đào tạo.....	4
1.1.3. Hệ thống tổ chức đào tạo.....	6
1.2. Sự cần thiết mở ngành đào tạo Du lịch trình độ Đại học	7
PHẦN II: TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO DU LỊCH.....	13
1.1. Giới thiệu về năng lực của cơ sở đào tạo	13
1.1.1 Khoa trực tiếp quản lý ngành đào tạo Du lịch.....	13
1.1.2. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy ngành Du lịch.....	13
1.1.3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo ngành Du lịch.....	19
1.2. Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.....	52
1.2.1. Nghiên cứu khoa học.....	52
1.2.2. Hợp tác quốc tế.....	53
1.2.3. Các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và quan hệ quốc tế.....	53
PHẦN III: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT	56
I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	56
A. CĂN CỨ XÂY DỰNG VÀ GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	56
1. Căn cứ xây dựng.....	56
1.1. Các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và về mở ngành đào tạo	56
1.2. Các văn bản pháp quy và định hướng phát triển Trường Đại học Việt Bắc.....	57
B. NỘI DUNG CHI TIẾT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	58
1. Mục tiêu.....	58
1.1. Mục tiêu chung.....	58
1.2. Mục tiêu cụ thể	59
2. Chuẩn đầu ra.....	62
3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:	64
3.1. Thời gian đào tạo và khối kiến thức	64
3.2. Cấu trúc các khối kiến thức của chương trình giáo dục	64
4. Đối tượng tuyển sinh	64
5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	65
6. Cách thức đánh giá	65
6.1. Cách thức đánh giá chung toàn khóa.....	65
6.2. Cách thức đánh giá học phần.....	65
7. Nội dung chương trình:	67

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương.....	67
8. Kế hoạch giảng dạy	84
9. Mô tả tóm tắt nội dung học phần.....	87
9.1. Kiến thức giáo dục đại cương.....	87
9.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	95
9.3. Thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp	112
10. Hướng dẫn thực hiện chương trình.....	114
II. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN.....	Error! Bookmark not defined.
1. Triết học Mác-Lênin.....	Error! Bookmark not defined.
2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin.....	Error! Bookmark not defined.
3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	Error! Bookmark not defined.
4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.....	Error! Bookmark not defined.
5. Tư tưởng Hồ Chí Minh.....	Error! Bookmark not defined.
6. Tiếng Anh cơ bản 1	Error! Bookmark not defined.
7. Tiếng Anh cơ bản 2	Error! Bookmark not defined.
8. Tiếng Anh cơ bản 3	Error! Bookmark not defined.
9. Tiếng Anh chuyên ngành 4,5.....	Error! Bookmark not defined.
10. Tin học đại cương.....	Error! Bookmark not defined.
11. Cơ sở văn hóa Việt Nam	Error! Bookmark not defined.
12. Các dân tộc Việt Nam.....	Error! Bookmark not defined.
13. Lịch sử văn minh thế giới.....	Error! Bookmark not defined.
14. Tổng quan du lịch.....	Error! Bookmark not defined.
15. Quản lý nhà nước về du lịch.....	Error! Bookmark not defined.
16. Văn hóa du lịch.....	Error! Bookmark not defined.
17. Pháp luật trong kinh doanh du lịch.....	Error! Bookmark not defined.
18. Địa lý du lịch	Error! Bookmark not defined.
19. Tuyến điểm du lịch Việt Nam	Error! Bookmark not defined.
20. Quản trị kinh doanh lữ hành.....	Error! Bookmark not defined.
21. Quản trị kinh doanh khách sạn	Error! Bookmark not defined.
22. Quản trị sự kiện du lịch	Error! Bookmark not defined.
23. Quản trị nhân lực trong du lịch.....	Error! Bookmark not defined.
24. Marketing du lịch	Error! Bookmark not defined.
25. Tâm lí khách du lịch.....	Error! Bookmark not defined.
26. Kỹ năng giao tiếp trong du lịch	Error! Bookmark not defined.
27. Nghiệp vụ lễ tân khách sạn.....	Error! Bookmark not defined.
28. Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	Error! Bookmark not defined.
29. Nghiệp vụ buồng phòng khách sạn	Error! Bookmark not defined.

30. Nghiệp vụ nhà hàng.....	Error! Bookmark not defined.
31. Kỹ năng hoạt náo teambuilding trong du lịch	Error! Bookmark not defined.
32. Nghiệp vụ điều hành tour	Error! Bookmark not defined.
33. Nghiệp vụ sale bán tour	Error! Bookmark not defined.
34. Xúc tiến du lịch	Error! Bookmark not defined.
35. Kiến tập nhận thức ngành, nghề nghiệp du lịch	Error! Bookmark not defined.
36. Kiến thực tập nghiệp vụ thiết kế, điều hành, hướng dẫn, marketing và bán sản phẩm du lịch	Error! Bookmark not defined.
37. Văn hóa ẩm thực.....	Error! Bookmark not defined.
38. Du lịch sinh thái.....	Error! Bookmark not defined.
39. Văn hóa và đạo đức kinh doanh	Error! Bookmark not defined.
40. Thanh toán quốc tế trong du lịch.....	Error! Bookmark not defined.
41. Thanh toán quốc tế trong du lịch.....	Error! Bookmark not defined.
42. Quản trị an ninh an toàn trong kinh doanh lưu trú .	Error! Bookmark not defined.
43. Nghiệp vụ pha chế	Error! Bookmark not defined.
44. Du lịch điện tử	Error! Bookmark not defined.
45. Thực tập tốt nghiệp.....	Error! Bookmark not defined.
46. Khoá luận tốt nghiệp	Error! Bookmark not defined.
47. Kinh tế du lịch	Error! Bookmark not defined.
48. Quản trị khách sạn nhỏ	Error! Bookmark not defined.
49. Quản trị dịch vụ vận chuyển.....	Error! Bookmark not defined.
50. Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1	Error! Bookmark not defined.
51. Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2.....	Error! Bookmark not defined.
52. Giáo dục Thể chất.....	Error! Bookmark not defined.

PHẦN I. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Ngành	: Du lịch
Mã số	: 7810101
Trình độ đào tạo	: Đại học
Loại hình đào tạo	: Chính quy

PHẦN I. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Việt Bắc

Trường Đại học Việt Bắc được thành lập theo Quyết định số 1341/QĐ-TTg, ngày 5/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ. Trụ sở chính của Trường tại xã Đồng Bầm, thành phố Thái Nguyên. Hiện nay, Trường có 5 khoa chuyên môn gồm: Khoa Khoa học cơ bản; Khoa Điện - Điện tử - Công nghệ thông tin; Khoa Cơ khí; Khoa Kinh tế; Khoa Ngoại ngữ. Ngoài ra, Trường còn có một số trung tâm khác, hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Trung tâm Đào tạo theo nhu cầu xã hội; Trung tâm Đào tạo và Hợp tác quốc tế; Trung tâm Ngoại ngữ-Tin học.

Để quản lý, điều hành và giảng dạy các ngành đào tạo trên, Trường Đại học Việt Bắc có hệ thống các bộ môn trực thuộc các khoa như sau: Khoa Khoa học cơ bản gồm các bộ môn: Bộ môn Toán, Bộ môn Vật lý, Bộ môn Hoá học, Bộ môn Chính trị, Bộ môn Giáo dục thể chất và Quốc phòng; Khoa Kỹ thuật Cơ khí gồm các bộ môn: Bộ môn Kỹ thuật Cơ khí, Bộ môn Chế tạo máy, Bộ môn Kỹ thuật Ô tô; Khoa Kỹ thuật Điện - Điện tử - Công nghệ thông tin gồm các bộ môn: Bộ môn Kỹ thuật Điện, Bộ môn kỹ thuật Điện tử và Bộ môn Công nghệ thông tin; Khoa Kinh tế gồm các bộ môn: Bộ môn Kế toán, Bộ môn Quản trị kinh doanh, Bộ môn Kinh tế và Quản lý; Khoa Ngoại ngữ gồm các bộ môn: Bộ môn Tiếng Hàn, Bộ môn Tiếng Anh và Bộ môn Tiếng Việt.

Đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên của Trường (bao gồm giảng viên cơ hữu, thỉnh giảng) đã được Tổ thẩm định Đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục năm 2018 xác định đủ điều kiện đảm bảo chất lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hiện tại, nhà trường có 118 giảng viên cơ hữu, trong đó có 02 giáo sư, 11 phó giáo sư, 17 tiến sĩ, 70 thạc sĩ. Ngoài ra, Trường còn kí hợp đồng với hơn 30 giảng viên thỉnh giảng là giảng viên của các trường đại học của Đại học Thái Nguyên.

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

Nhà trường đã tổ chức tuyển sinh và đào tạo 07 khóa với khoảng 2704 sinh viên đại học; trong đó có hơn 100 là sinh viên người nước ngoài. Trường đã có 267 sinh viên tốt nghiệp (cả Liên thông và Đại học chính quy) trong đó có 133 sinh viên đại học chính quy tốt nghiệp.

Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh Thái Nguyên nói riêng và cho đất nước nói chung, Trường Đại học Việt Bắc đã và đang không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy, gắn liền đào tạo lý thuyết với thực hành, đáp ứng các đòi hỏi vị trí việc làm của các doanh nghiệp và nhu cầu nhân lực của các ngành kinh tế xã hội của đất nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

Hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ là một trong những nhiệm vụ chính và được ưu tiên hàng đầu của Nhà trường.

Trường chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ định kỳ trên cơ sở hướng dẫn của các cấp quản lý, đẩy mạnh và tăng cường các mối liên kết hợp tác nghiên cứu khoa học giữ Nhà trường và các đơn vị, tổ chức trong và ngoài nước. Nguồn kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học ngày càng tăng, thể hiện sự quan tâm của Nhà trường và sự năng động, tích cực của đội ngũ giảng viên, các nhà nghiên cứu. Việc đăng tải các công trình nghiên cứu luôn được quan tâm khuyến khích.

Hoạt động hợp tác quốc tế của Trường luôn tuân thủ đúng quy định của Nhà nước. Tuy mới thành lập nhưng Nhà trường đã có những bước đầu chủ động thiết lập quan hệ, ký kết hợp tác với nhiều đối tác nước ngoài. Nhà trường đã xây dựng quy định, quy trình hợp tác quốc tế nhằm làm cơ sở pháp lý cho các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện đúng quy định của Nhà nước.

1.1.1. Kết quả đào tạo trình độ đại học của trường Đại học Việt Bắc

Sau gần 10 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Việt Bắc đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở các ngành đào tạo trình độ đại học như sau:

STT	NGÀNH ĐÀO TẠO	TRÌNH ĐỘ	LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO
1	Kỹ thuật Cơ khí	Đại học	Chính quy
2	Kỹ thuật Điện	Đại học	Chính quy
3	Công nghệ thông tin	Đại học	Chính quy
4	Truyền thông và Mạng máy tính	Đại học	Chính quy
5	Kế toán	Đại học	Chính quy
6	Quản trị kinh doanh	Đại học	Chính quy
7	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Đại học	Chính quy
8	Ngôn ngữ Anh	Đại học	Chính quy

Trường cũng được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo 02 ngành thạc sĩ là: Kỹ thuật Cơ khí và Kỹ thuật điện

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

Trong gần 10 năm qua, Trường Đại học Việt Bắc đã tuyển sinh và đào tạo cho khoảng 2704 sinh viên ở tất cả các ngành, các bậc.

1.1.2. Khảo sát nhu cầu đào tạo

Trường Đại học Việt Bắc đã tiến hành khảo sát, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực ngành Du lịch tại các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp tư nhân, nhân viên, sinh viên mới tốt nghiệp ngành Du lịch tại một số Trường. Trong tổng số 375 phiếu khảo sát thu về và đảm bảo chất lượng theo yêu cầu, kết quả cho thấy:

- Về khu vực cơ quan công tác

STT	Khu vực cơ quan	Số phiếu	Tỉ lệ (%)
1	Khu vực nhà nước	90	100
2	Khu vực tư nhân	285	100

- Về lĩnh vực ngành nghề đang làm

STT	Khu vực cơ quan	Số phiếu	Tỉ lệ (%)
1.	Công ty du lịch Vietglobal	20	5,33
2.	Công ty du lịch quốc tế Tây Đô	15	4,00
3.	Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp	10	2,67
4.	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh	12	3,20
5.	Công ty du lịch An Thành	15	4,00
6.	Khách sạn Hoàng Gia	14	3,73
7.	Khách sạn Kim Thái	13	3,47
8.	Tổng công ty Gang thép Thái Nguyên	12	3,20
9.	Công ty TNHH Thuận Phát	14	3,73
10.	Công ty TNHH Dạ hương (Khách sạn - Du lịch)	15	4,00
11.	Trường Cao đẳng Công thương Thái Nguyên	12	3,20
12.	Trường Cao đẳng Việt - Đức	12	3,20
13.	Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Nguyên	12	3,20
14.	THPT Chuyên Thái Nguyên	10	2,67
15.	THPT Lương Ngọc Quyến	10	2,67
16.	Khách sạn Hoàng Mắm	13	3,47
17.	Khách sạn Đông Á	14	3,73
18.	Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Thành Long	10	2,67
19.	Công ty CP Hoàng Thái	16	4,27
20.	Công ty du lịch Đăng cấp Việt	13	3,47
21.	Công ty du lịch Monisa	12	3,20
22.	Công ty du lịch ANZ	14	3,73
23.	Khách sạn Venus Tam Đảo	13	3,47

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

24.	Khu nghỉ dưỡng Serena Resort	32	8,53
25.	Khách sạn Thành Công Cát Bà	22	5,87
26.	Khách sạn Hoàng Gia Minh Cát Bà	20	5,33
	Tổng cộng	375	100

- Về độ tuổi

STT	Độ tuổi	Số phiếu	Tỉ lệ (%)
1	Dưới 30 tuổi	270	72
2	Từ 30 đến 40 tuổi	75	20
3	Từ 40 tuổi trở lên	30	8
	Tổng cộng	375	100

Độ tuổi trẻ của người được hỏi cho thấy lực lượng cán bộ đông đảo trẻ và tiềm năng. Điều này dự báo nhu cầu cao về nguồn nhân lực ngành Du lịch được đào tạo bài bản tại các khu vực công tác thuộc nhà nước và tư nhân tại Thái Nguyên và đây là cơ sở để Đại học Việt Bắc xin mở ngành Du lịch trình độ đại học, nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh lân cận.

- Số lượng có nhu cầu học đại học ngành Du lịch trong 5 năm tới tại 26 đơn vị như sau:

TT	Tên đơn vị được khảo sát	Tỉnh	Số lượng có nhu cầu	Ghi chú
1.	Công ty du lịch Vietglobal	Hà Nội	20	
2.	Công ty du lịch quốc tế Tây Đô	Hà Nội	15	
3.	Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp	Thái Nguyên	02	
4.	Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh	Thái Nguyên	05	
5.	Công ty du lịch An Thành	Hà Nội	10	
6.	Khách sạn Hoàng Gia	Thái Nguyên	10	
7.	Khách sạn Kim Thái	Thái Nguyên	10	
8.	Tổng công ty Gang thép Thái Nguyên	Thái Nguyên	05	
9.	Công ty TNHH Thuận Phát	Thái Nguyên	05	
10.	Công ty TNHH Dạ hương (Khách sạn - Du lịch)	Thái Nguyên	10	
11.	Trường Cao đẳng Công thương Thái Nguyên	Thái Nguyên	05	

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

12.	Trường Cao đẳng Việt - Đức	Thái Nguyên	05	
13.	Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Nguyên	Thái Nguyên	05	
14.	THPT Chuyên Thái Nguyên	Thái Nguyên	03	
15.	THPT Lương Ngọc Quyến	Thái Nguyên	03	
16.	Khách sạn Hoàng Mắm	Thái Nguyên	10	
17.	Khách sạn Đông Á	Thái Nguyên	10	
18.	Công ty CP Đầu tư Công nghiệp Thành Long	Thái Nguyên	02	
19.	Công ty CP Hoàng Thái	Thái Nguyên	05	
20.	Công ty du lịch Đăng cấp Việt	Hà Nội	10	
21.	Công ty du lịch Monisa	Thái Nguyên	10	
22.	Công ty du lịch ANZ	Hà Nội	10	
23.	Khách sạn Venus Tam Đảo	Vĩnh Phúc	12	
24.	Khu nghỉ dưỡng Serena Resort	Hòa Bình	20	
25.	Khách sạn Thành Công Cát Bà	Hải Phòng	10	
26.	Khách sạn Hoàng Gia Minh Cát Bà	Hải Phòng	12	
Tổng cộng			224	

1.1.3. Hệ thống tổ chức đào tạo

Hệ thống Khoa đào tạo

Trải qua gần 10 năm hình thành và phát triển, đến nay Trường Đại học Việt Bắc đã thành lập 5 Khoa:

- Khoa học cơ bản;
- Khoa Điện - Điện tử - Công nghệ thông tin;
- Khoa Cơ khí;
- Khoa Kinh tế;
- Khoa Ngoại ngữ.

Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo 8 ngành trình độ đại học, gồm: Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật Điện - Điện tử, Công nghệ thông tin, Truyền thông và Mạng máy tính, Kế toán, Quản trị kinh doanh, Ngôn ngữ Hàn Quốc, Ngôn ngữ Anh.

Định hướng phát triển của Trường Đại học Việt Bắc trong năm 2020 và các năm tới là sẽ mở thêm các mã ngành đào tạo mới thuộc các lĩnh vực ngành phù hợp với xu thế phát triển của xã hội như: Luật, Báo chí, Du lịch, Sức khỏe, Xuất nhập khẩu, Kinh tế đối ngoại, tài nguyên môi trường... nhằm phục vụ cho nhu cầu nhân lực của tỉnh Thái Nguyên và cả nước.

Các Phòng, Ban, Trung tâm đào tạo

- Ban Giám hiệu;
- Hội đồng Khoa học - Đào tạo;
- Phòng Tổng hợp;
- Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- Phòng Đào tạo - Nghiên cứu khoa học - Quan hệ quốc tế;
- Phòng Công tác Học sinh sinh viên;
- Phòng Thanh tra - Khảo thí - Đảm bảo chất lượng Giáo dục;
- Trung tâm Đào tạo theo nhu cầu xã hội;
- Trung tâm Đào tạo và Hợp tác quốc tế.
- Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học.

1.2. Sự cần thiết mở ngành đào tạo Du lịch trình độ Đại học

1.2.1. Nghị quyết số 37/ NQ-TW ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị đánh giá tổng quan về tình hình kinh tế - xã hội, tiềm năng và định hướng phát triển của tỉnh Thái Nguyên và vùng trung du, miền núi Bắc Bộ nêu rõ: “Bên cạnh những thành tựu to lớn đã đạt được trong thời kỳ đổi mới, tỉnh Thái Nguyên nói riêng và vùng trung du, miền núi Bắc Bộ nói chung vẫn là vùng còn nhiều khó khăn, yếu kém, kinh tế chậm phát triển, đến nay vẫn là vùng nghèo nhất trong cả nước”. Có nhiều nguyên nhân của tình hình nêu trên, trong đó có một nguyên nhân quan trọng đã được chỉ rõ trong Nghị quyết của Đảng là trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế; đội ngũ cán bộ chủ chốt chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Chính vì vậy trong Nghị quyết số 37/ NQ-TW, Bộ Chính trị đã nhấn mạnh “phải đặc biệt coi trọng việc nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, nhất là cán bộ dân tộc thiểu số, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới; khẩn trương mở rộng đào tạo, đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và nâng cao năng lực đào tạo của một số trường đại học hiện có trong vùng, củng cố và mở thêm các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các cơ sở dạy nghề”.

Căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên và của các tỉnh khác trong vùng trong những năm tới và quan điểm chỉ đạo của Đảng thì nhu cầu đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực và đội ngũ cán bộ có chất lượng cao phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh trong vùng là rất lớn. Mặt khác, do kết quả của công cuộc đổi mới và những thành tựu quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của bản thân các địa phương trong vùng cũng như do sự phát triển

manh mẽ của khoa học và công nghệ, vai trò ngày càng nổi bật của kinh tế tri thức trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất cũng khuyến khích và lôi cuốn mọi tầng lớp nhân dân thuộc mọi thành phần kinh tế và các lĩnh vực công tác khác nhau tích cực học tập để nâng cao kiến thức và trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhằm đạt chất lượng và hiệu quả công việc ngày càng cao, điều đó làm cho nhu cầu được học tập, bồi dưỡng (trong đó có cả nhu cầu học tập ở trình độ đại học và sau đại học) tăng lên rất nhiều. Đây là xu thế tích cực, phù hợp với quan điểm của Đảng ta về xây dựng xã hội học tập. Thực tế tình hình tuyển sinh và đào tạo ở Đại học Thái Nguyên trong những năm vừa qua cũng minh chứng cho xu thế này: hàng năm đều có trên dưới 70.000 người dự thi đại học để tuyển chọn vào học hệ chính quy tại các trường thuộc Đại học Thái Nguyên, nhưng do những hạn chế của các trường về đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất, Đại học Thái Nguyên hàng năm chỉ có thể tuyển chọn được trên dưới 10.000 người vào học. Số lượng người có nguyện vọng và nhu cầu học đại học, cao đẳng vẫn còn rất lớn.

Do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong giai đoạn hiện nay, nhìn chung chất lượng, hiệu quả và khả năng đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu, nguyện vọng được học tập của nhân dân các dân tộc trong vùng (nhất là học tập ở các bậc học cao: đại học và sau đại học) còn hạn chế.

1.2.2. Việc mở ngành đào tạo Du lịch là phù hợp với Sứ mạng, điều kiện và định hướng phát triển của Trường Đại học Việt Bắc

+ Việc mở ngành đào tạo Du lịch phù hợp với Sứ mạng của Trường Đại học Việt Bắc được nêu trong Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Việt Bắc là: "Trường Đại học Việt Bắc là trường đại học tư thục đa ngành, hoạt động không vì lợi nhuận, có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, triển khai nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực trung du và miền núi phía Bắc và cả nước."

+ Trường Đại học Việt Bắc lập Đề án xin mở ngành đào tạo Du lịch ở bậc đại học phù hợp với các quy hoạch phát triển Trường Đại học Việt Bắc, bao gồm: "Quy hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Việt Bắc giai đoạn 2013-2020 và tầm nhìn đến năm 2030" ban hành kèm theo Quyết định số 18/QĐ-ĐHVB ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Bắc và "Quy hoạch phát triển trung hạn của Trường Đại học Việt Bắc giai đoạn 2013 - 2018" ban hành theo Quyết định số 14/QĐ-ĐHVB ngày 17 tháng 02 năm 2016 Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Bắc.

1.2.3. Trong những năm qua, du lịch Việt Nam liên tục đạt được những thành tựu quan trọng và là một trong những điểm sáng về kinh tế - xã hội của đất nước.

Năm 2018, du lịch Việt Nam đón 15.497.791 lượt khách, tăng 19,9% so với năm 2017, phục vụ hơn 80 triệu lượt khách trong nước, tổng thu từ khách du lịch đạt hơn 620.000 tỷ đồng

Năm 2018, du lịch Việt Nam đã đón 15,5 triệu lượt khách quốc tế, phục vụ 80 triệu lượt khách nội địa, tổng thu từ khách du lịch ước đạt 637.000 tỷ đồng, đóng góp trực tiếp của ngành du lịch ước đạt 8,39% GDP của cả nước và là năm thứ ba liên tiếp, du lịch Việt Nam liên tục thăng hạng trên bản đồ du lịch thế giới. Cũng năm này, lần đầu tiên Việt Nam được trao tặng giải thưởng “Điểm đến du lịch hàng đầu châu Á” tại Lễ trao Giải thưởng Du lịch thế giới-World Travel Awards (WTA) khu vực châu Á và châu Đại Dương năm 2018.

Trong 8 tháng đầu năm 2019, du lịch Việt Nam đã đón 11.309.232 lượt khách, tăng 8,7% so với cùng kỳ năm 2018 và tổng thu từ khách du lịch đạt 442.200 tỷ đồng, tăng 9,6% so với cùng kỳ năm 2018. Với những kết quả đó, trong năm 2019 du lịch Việt Nam đã vinh dự được nhận 2 giải thưởng tầm cỡ thế giới là *Điểm đến di sản hàng đầu thế giới 2019* do World Travel Awards trao tặng và *Điểm đến Golf tốt nhất thế giới 2019* do World Golf Awards trao tặng. Cùng với đó là các giải thưởng tầm cỡ khu vực bao gồm: Điểm đến hàng đầu châu Á 2 năm liên tục 2018-2019, Điểm đến văn hóa hàng đầu Châu Á 2019, lần đầu tiên được vinh danh là Điểm đến ẩm thực hàng đầu châu Á 2019. Ngoài ra hàng chục giải thưởng quốc tế danh giá cũng đã được trao cho các hãng hàng không, doanh nghiệp lữ hành, khách sạn, resort và các công trình, điểm du lịch của Việt Nam.

Theo đề án “Cơ cấu lại ngành du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển thành ngành kinh tế mũi nhọn”, đã được Chính phủ phê duyệt, Việt Nam phấn đấu đến năm 2025 là quốc gia có ngành du lịch phát triển hàng đầu Đông - Nam Á, đón và phục vụ 30 - 32 triệu lượt khách du lịch quốc tế, trên 130 triệu lượt khách du lịch nội địa, với tổng thu từ khách du lịch đạt 45 tỷ USD; Giá trị xuất khẩu thông qua du lịch đạt 27 tỷ USD; Ngành du lịch đóng góp trên 10% GDP và tạo ra 6 triệu việc làm, trong đó có 2 triệu việc làm trực tiếp, với 70% được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ và kỹ năng du lịch.

Vấn đề phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt nhân lực có chất lượng cao đang là thách thức đối với du lịch Việt Nam trước yêu cầu của tình hình mới. Trên diễn đàn "Nguồn nhân lực du lịch Việt Nam 2019" diễn ra tại Thành phố HCM, ông Bùi Tá Hoàng Vũ, Giám đốc Sở Du lịch Thành phố HCM cho biết, thực tế ngành du lịch đang rất "khát" nhân lực lành nghề, chất lượng cao. Theo Tổng cục Du lịch, mỗi năm toàn ngành cần thêm gần 40.000 lao động nhưng lượng sinh viên chuyên ngành ra trường chỉ khoảng 15.000 người/năm; trong đó chỉ hơn 12% có trình độ cao đẳng, đại học trở lên.

Trong 1,3 triệu lao động du lịch của cả nước chỉ có 42% được đào tạo về du lịch, 38% được đào tạo từ các ngành khác chuyển sang và khoảng 20% chưa qua đào tạo chính quy mà chỉ được huấn luyện tại chỗ.

Theo các chuyên gia, thách thức lớn nhất của ngành du lịch Việt Nam chính là sự chuyên nghiệp của đội ngũ cung cấp dịch vụ, bao gồm tác phong, thái độ phục vụ, kỹ năng nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm cộng đồng. Chất lượng dịch vụ chuyên nghiệp theo chuẩn quốc tế là yếu tố cần thiết cho sự phát triển bền vững và cạnh tranh với các nước trong khu vực và toàn cầu. Hơn nữa trình độ ngoại ngữ của lao động ngành du lịch còn hạn chế, thiếu lao động cục bộ trong mùa cao điểm ở một số trung tâm du lịch... Khoảng cách này không chỉ đơn thuần là số lượng mà quan trọng hơn là chất lượng và bài toán năng suất lao động.

Xu thế thị trường hiện nay, du khách trong và ngoài nước đòi hỏi rất cao từ các dịch vụ du lịch mà họ phải trả tiền. Để đáp ứng đòi hỏi của du khách, đội ngũ cung cấp dịch vụ buộc phải liên tục nâng cao tác phong, kỹ năng và đạo đức để đạt được sự chuyên nghiệp tiêu chuẩn mang tầm khu vực và quốc tế.

Ngày nay, nhận thức và yêu cầu của du khách ngày càng cao. Nhân viên du lịch chỉ có trình độ tri thức du lịch cơ bản sẽ khó làm họ hài lòng. Hơn nữa, các sản phẩm du lịch cũng không thể đơn điệu mà phải ngày càng phong phú để du khách có thể có được những trải nghiệm khó quên, tiếp thu vẻ đẹp và văn hóa của điểm đến do nhân viên du lịch truyền đạt.

Trình độ ngoại ngữ của nhân viên du lịch cũng là thách thức lớn của ngành. Theo Tổng cục Du lịch, hiện ở Việt Nam có 32% lao động phục vụ trực tiếp trong ngành du lịch biết tiếng Anh, chỉ 3,2% biết tiếng Pháp và 3,6% biết tiếng Trung Quốc. Thực tế, một tỷ lệ không nhỏ thị trường khách du lịch nước ngoài cần hướng dẫn viên giao tiếp thành thạo ngoại ngữ, nhất là tiếng Đức, Nhật, Hàn. Nếu không tìm được lao động chuyên ngành đủ trình độ ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu này thì sẽ lãng phí một thị trường tiềm năng.

Tại các nước phát triển trên thế giới, hoạt động đào tạo nguồn nhân lực cho ngành Du lịch luôn được quan tâm, phát triển mạnh mẽ và đạt được những thành tựu đáng kể, đóng góp thiết thực vào sự phát triển của mỗi quốc gia.

Hiện nay, tại Việt Nam, đào tạo ngành Du lịch đã được một số trường đại học triển khai từ nhiều năm nay như Đại học Văn hóa Hà Nội, Đại học Khoa học Xã hội và

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Phương Đông, Đại học Thăng Long... Tuy vậy xét trên nhu cầu nguồn nhân lực của đất nước, đặc biệt là trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế sâu rộng thì nguồn nhân lực trong ngành Du lịch hiện nay vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu xã hội cả về số lượng và chất lượng.

Vì vậy, việc Trường Đại học Việt Bắc xây dựng đề án đào tạo trình độ đại học ngành Du lịch cho sinh viên Việt Nam là cần thiết nhằm góp phần đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực du lịch cho tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh trong khu vực miền núi phía Bắc, vùng sâu, vùng xa của Tổ quốc.

**PHẦN II: TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN
MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO**

PHẦN II: TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO DU LỊCH

1.1. Giới thiệu về năng lực của cơ sở đào tạo

1.1.1 Khoa trực tiếp quản lý ngành đào tạo Du lịch

Khoa quản lý trực tiếp ngành đào tạo Du lịch là *Khoa Du lịch* của Trường Đại học Việt Bắc.

- Khoa Du lịch được thành lập theo Quyết định số 02/QĐ-ĐHVB ngày 07/01/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Bắc.

- Chức năng và nhiệm vụ của Khoa Du lịch được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Việt Bắc ban hành theo Quyết định số 03/QĐ-ĐHVB ngày 08 tháng 3 năm 2015 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Trưởng khoa Du lịch: PGS.TS Nguyễn Văn Cần

Tham gia giảng dạy ngành Du lịch, ngoài số giảng viên của khoa Du lịch, còn có các giảng viên dạy các môn khoa học cơ bản, cơ sở và chuyên môn ở Khoa Cơ bản và các khoa chuyên môn khác.

1.1.2. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy ngành Du lịch

Đội ngũ giảng viên hiện nay đủ đáp ứng cho giảng dạy các ngành đào tạo hiện có của Nhà trường, đồng thời giảng dạy được cho tất cả các môn học, đặc biệt các môn cơ sở và chuyên ngành của ngành Du lịch.

Cụ thể:

- Đội ngũ giáo viên tham gia giảng dạy trực tiếp ngành Du lịch được thống kê trong bảng 1.

Bảng 1: Danh sách giáo viên tham gia giảng dạy trực tiếp ngành Du lịch

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh (GS, PGS, GVC, GV...)	Chuyên môn được đào tạo
1	2	3	4	5	6	7
1.	Nguyễn Văn Cần	Nam	13/4/1951	PGS. TS	GVC	Lịch sử, Văn hóa
2.	Nguyễn Hằng Phương	Nữ	22/10/1956	PGS.	GVC	Ngữ văn

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh (GS, PGS, GVC, GV...)	Chuyên môn được đào tạo
				TS		
3.	Đào Thị Vân	Nữ	24/01/1957	TS	GV	Lý luận Ngôn ngữ
4.	Nguyễn Thị Minh Phương	Nữ	28/11/1984	ThS	GV	Thương mại
5.	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	22/4/1983	ThS	GV	Thương mại
6.	Nguyễn Quang Trung	Nam	08/12/1988	ThS	GV	Du lịch
7.	Trịnh Thị Tuyết	Nữ	16/02/1986	ThS	GV	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
8.	Trịnh Thị Oanh	Nữ	1987	ThS	GV	Du lịch
9.	Luyện Hồng Anh	Nữ	25/10/1984	ThS	GV	Du lịch
10.	Bé Hiền Hạnh	Nữ	17/8/1987	ThS	GV	Du lịch
11.	Trần Thị Thu Trang	Nữ	08/02/1992	ThS	GV	Quản trị kinh doanh
12.	Trần Thị Thu Hào	Nữ	04/7/1987	ThS	GV	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
13.	Nguyễn Hữu Chinh	Nam	25/04/1972	ThS	GV	Quản trị kinh doanh
14.	Đỗ Trọng Dũng	Nam	27/01/1952	TS	GV	Địa lý - địa chất
15.	Nguyễn Thị Canh	Nam	25/05/1955	TS	GVC	Lịch sử-Lịch sử TG cận hiện đại
16.	Lê Thị Hồng Hương	Nữ	11/03/1987	ThS	GV	Tiếng Anh

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh (GS, PGS, GVC, GV...)	Chuyên môn được đào tạo
17.	Nguyễn Tiến Trực	Nam	02/02/1957	ThS	GV	Khoa học xã hội nhân văn
18.	Ôn Ngũ Minh	Nam	24/05/1956	ThS	GVC	Khoa học
19.	Nguyễn Trường Kháng	Nam	14/03/1951	ThS	GVC	KHXH&NV
20.	Ngô Thịnh	Nam	21/10/1945	ThS	GV	KHXH&NV
21.	Vũ Châu Hoàn	Nam	16/05/1955	ThS	GVC	KHXH&NV
22.	Ma Thị Ngần	Nữ	30/09/1990	ThS	GV	Giáo dục thể chất - GD quốc phòng

- Phân công giáo viên giảng dạy theo từng môn học và từng học kỳ được thể hiện trong bảng 2.

Bảng 2. Danh sách phân công giảng viên giảng dạy các học phần của CTĐT ngành Du lịch

STT	HỌC KỲ/HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG VIÊN	Cơ hữu/Thỉnh giảng
	Học kì I	15		
1	Triết học Mác – Lê nin	3	ThS Nguyễn Trường Kháng	Cơ hữu
2	Tiếng Anh 1	4	ThS. Lê Thị Hồng Hương	Cơ hữu
3	Tin học đại cương	2	ThS. Ôn Ngũ Minh	Cơ hữu
4	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	PGS.TS Nguyễn Hằng Phương	Cơ hữu

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

5	Tổng quan du lịch	3	ThS. Luyện Hồng Anh	Cơ hữu
6	Giáo dục thể chất 1	C	ThS. Ma Thị Ngần	Cơ hữu
Tổng số TC (chưa tính Giáo dục thể chất)		15		
	Học kì II	14		
1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	ThS. Vũ Châu Hoàn	Cơ hữu
2	Tiếng Anh 2	4	ThS. Lê Thị Hồng Hương	Cơ hữu
3	Các dân tộc Việt Nam	2	TS. Nguyễn Thị Canh	Cơ hữu
4	Quản lý Nhà nước về du lịch	3	ThS. Nguyễn Hữu Chinh	Cơ hữu
5	Văn hóa du lịch	3	ThS. Trịnh Thị Oanh	Cơ hữu
6	Giáo dục thể chất 2	C	ThS. Ma Thị Ngần	Cơ hữu
Tổng số TC (chưa tính Giáo dục thể chất)		14		
	Học kì III	16		
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	ThS Nguyễn Trường Kháng	Cơ hữu
2	Tiếng Anh 3	4	ThS. Lê Thị Hồng Hương	Cơ hữu
3	Lịch sử văn minh thế giới	3	TS. Nguyễn Thị Canh	Cơ hữu
4	Pháp luật trong kinh doanh du lịch	2	ThS. Nguyễn Tiến Trục	Cơ hữu
5	Tuyên điểm du lịch Việt Nam	3	ThS Trịnh Thị Tuyết	Cơ hữu
	<i>Tự chọn</i>	<i>2/4</i>		
6	Du lịch sinh thái	2	ThS Lê Thanh Tú	Thỉnh giảng
7	Văn hóa ẩm thực	2	Đào Thị Vân	Cơ hữu
	Học kì IV	17		

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	ThS. Vũ Châu Hoàn	Cơ hữu
2	Tiếng Anh chuyên ngành 1	4	TS. Nguyễn Thị Thu Hương	Thỉnh giảng
3	Địa lý du lịch Việt Nam	2	ThS. Đỗ Trọng Dũng	Cơ hữu
4	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	Ths. Trần Thị Thu Hảo	Cơ hữu
5	Marketing du lịch	3	ThS Trần Thị Thu Trang	Cơ hữu
6	Kỹ năng giao tiếp trong du lịch	3	PGS.TS Nguyễn Hằng Phương	Cơ hữu
Tổng số tín chỉ		17		
Học kì V		16		
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	ThS. Ngô Thịnh	Cơ hữu
2	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	TS. Nguyễn Thị Thu Hương	Thỉnh giảng
3	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	ThS. Nguyễn Thị Minh Phương	Cơ hữu
4	Tâm lý khách du lịch	3	TS. Đào Thị Vân	Cơ hữu
5	Nghiệp vụ lễ tân khách sạn	3	ThS. Nguyễn Thị Minh Phương	Cơ hữu
6	Giáo dục quốc phòng	C	Trung tâm GDQP Đại học Thái Nguyên	
	<i>Tự chọn</i>	<i>2/4</i>		
7	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	2	ThS Nguyễn Quang Trung	Cơ hữu
8	Thanh toán quốc tế trong du lịch	2	ThS. Nguyễn Hữu Chinh	Cơ hữu
Tổng số TC (chưa tính Giáo dục quốc phòng)		16		
Học kì VI		17		
1	Quản trị sự kiện du lịch	3	ThS. Luyện Hồng Anh	Cơ hữu
2	Quản trị nhân lực trong du	3	ThS. Nguyễn Thị Minh	Cơ hữu

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

	ịch		Phương	
3	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	ThS. Nguyễn Quang Trung	Cơ hữu
4	Nghiệp vụ buồng phòng khách sạn	2	ThS. Bé Hiền Hạnh	Cơ hữu
5	Nghiệp vụ nhà hàng	3	ThS. Nguyễn Thị Thúy	Cơ hữu
6	Kiến tập nhận thức ngành, nghề du lịch	3		
Tổng số TC		17		
Học kì VII		16		
1	Kỹ năng hoạt náo teambuilding trong du lịch	2	ThS. Luyện Hồng Anh	Cơ hữu
2	Nghiệp vụ điều hành tuor	3	ThS. Nguyễn Thị Thúy	Cơ hữu
3	Nghiệp vụ sale bán tuor	2	ThS. Trịnh Thị Tuyết	Cơ hữu
4	Xúc tiến du lịch	2	PGS.TS Nguyễn Văn Càn	Thỉnh giảng
5	Kiến thực tập nghiệp vụ thiết kế, điều hành, hướng dẫn, marketing và bán sản phẩm du lịch	3		
	<i>Tự chọn</i>	<i>4/8</i>		
6	Di tích lịch sử văn hóa Việt Nam	2	TS. Nguyễn Thị Canh	Cơ hữu
7	Quản trị an ninh an toàn trong kinh doanh lưu trú	2	Ths. Trần Thị Thu Hảo	Cơ hữu
8	Nghiệp vụ pha chế	2	ThS. Nguyễn Quang Trung	Cơ hữu
9	Du lịch điện tử	2	ThS. Trịnh Thị Oanh	Cơ hữu
Tổng số TC		16		
Học kì VIII		14		
1	Thực tập tốt nghiệp	6		

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

2	Khóa luận tốt nghiệp	8		
	<i>Học phần thay thế KLTN</i>	8		
3	Kinh tế du lịch	3	ThS Trần Thị Thu Trang	Cơ hữu
4	Quản trị khách sạn nhỏ	3	Ths. Trần Thị Thu Hảo	Cơ hữu
5	Quản trị dịch vụ vận chuyên	2	ThS. Bế Hiền Hạnh	Cơ hữu
Tổng số TC		14		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ (Không kể các môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)		125		

Bảng 3. Danh sách kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu phục vụ ngành Du lịch

Số TT	Họ và tên, năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năm tốt nghiệp	Phụ trách PTN, thực hành	Phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ học phần/môn học nào trong chương trình đào tạo
1.	ThS. Ngô Quốc Việt	Thạc sĩ, Việt Nam,	Công nghệ thông tin	- Tin học - Kỹ năng soạn thảo văn bản
2.	ThS. Ôn Ngụ Minh	Thạc sĩ, Việt Nam,	Công nghệ thông tin	- Tin học - Kỹ năng soạn thảo văn bản

1.1.3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo ngành Du lịch

Trường Đại học Việt Bắc có diện tích đất 36,8 ha đã đền bù và giải phóng mặt bằng. Hiện nay, Nhà trường đã hoàn thành xây dựng các khu nhà giảng đường, nhà điều hành, ký túc xá, các phòng thí nghiệm, xưởng thực tập, khuôn viên, đường giao thông nội bộ, cảnh quan môi trường.

Cơ sở vật chất của Nhà trường đang đủ đáp ứng đào tạo cho các ngành hiện có và ngành Du lịch với quy mô 3.500 SV. Hiện nay quy mô sinh viên của Trường mới có hơn 2.000 SV.

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

1.1.3.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Bảng 4: Lớp học, giảng đường và trang thiết bị dạy học

Số TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng học 100 chỗ ngồi	14	90	Bàn ghế Xuân Hòa - Máy chiếu đa năng - Màn chiếu - Máy tính	400 01 08 08	Các giờ học lý thuyết, thảo luận, bài tập
2	Hội trường, 200 chỗ ngồi	4	150	Bàn ghế Xuân Hòa - Máy chiếu đa năng - Màn chiếu - Máy tính - Loa, âm li	500 05 05 bộ 05 bộ 05 bộ	Các giờ lý thuyết, thảo luận, seminar
3	Phòng học ngoại ngữ 20 chỗ ngồi	4	40m ² x4	- Máy gi âm; - Loa đài; - Ti vi; - Máy chiếu; - Màn chiếu; - Máy tính kết nối Internet; - Bàn ghế	01 bộ 01 bộ 01 bộ 01 bộ 01 bộ 01 bộ 20 bộ	Các giờ dạy ngoại ngữ
4	Phòng máy tính	2	250	- Máy chiếu đa năng (Projecter) - Máy tính - bàn ghế	02 bộ 50 bộ 50 bộ	- Tin học cơ sở, - Học và kiểm tra ngoại ngữ online

1.1.3.2. Thư viện, sách và tài liệu tham khảo

a) Thư viện

- Tổng diện tích thư viện: 300 m²
- Số phòng đọc: 02; Số chỗ ngồi : 100.
- Số đầu sách, giáo trình: 5.000 ; Số cuốn: 15.000;
- Phòng Thư viện điện tử: 1; số lượng máy tính phục vụ: 40.

Thư viện Trường Đại học Việt Bắc được trang bị hệ thống phần mềm quản lý thư viện chuyên nghiệp.

Ngoài sách trên giá của Thư viện trường Đại học Việt Bắc, Thư viện điện tử Đại học Việt Bắc có đầy đủ các sách và tài liệu tham khảo, chuyên khảo phục vụ cho tất cả các ngành đào tạo của Nhà trường.

Thư viện điện tử đã kết nối với Trung tâm học liệu của Đại học Thái Nguyên. Ngoài ra, Thư viện của trường còn được nối kết với các thư viện của các trường đại học thành viên của Đại học Thái Nguyên, với Thư viện Quốc gia và nhiều trường đại học khác trong và ngoài nước phục vụ tốt cho việc tra cứu và khai thác tài liệu cho giảng viên, cán bộ và sinh viên trong toàn trường.

Trường Đại học Việt Bắc nằm kề với Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Việt Bắc và Đại học Thái Nguyên đã ký kết văn bản trong việc sử dụng và khai thác dữ liệu của Trung tâm học liệu, Đại học Thái Nguyên; ký kết Hợp đồng sử dụng, khai thác sách và dữ liệu học liệu với Trung tâm Học liệu của Đại học Thái Nguyên (Trung tâm học liệu Đại học Thái Nguyên được tổ chức NGO tài trợ với mục đích là Trung tâm học liệu cho tất cả các trường đại học và cao đẳng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên). Theo các văn bản hợp tác này, giáo viên và sinh viên của Trường Đại học Việt Bắc có thể làm thẻ thư viện để sử dụng và khai thác các tài liệu, sách giáo khoa, giáo trình và các học liệu điện tử như sinh viên của Đại học Thái Nguyên (Các văn bản hợp tác này có trong phần Phụ lục của Đề án)

b) Danh mục giáo trình, sách chuyên khảo, tạp chí của các ngành đào tạo

+ Danh mục giáo trình dùng chung cho các ngành đào tạo trong trường

TT	MS	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NXB	NĂM XB	SỐ LƯỢNG	DÙNG CHO MÔN HỌC
1	7B706	Đại số đại cương	Nguyễn Tiến Quang	NXBGD	2009	10	Toán
2	7K108	Đại số đại cương	Hoàng Xuân Sinh	NXBGD	2010	10	Toán
3	7K150	Bài tập đại số đại	Bùi Huy	NXBGD	2009	25	Toán

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

TT	MS	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NXB	NĂM XB	SỐ LƯỢNG	DÙNG CHO MÔN HỌC
		cương	Hiền				
4	7K370	Bài tập đại số tuyến tính	Hoàng Xuân Sính - Trần Phương Dung	NXBGD	2010	5	Toán
5	7K460	Bài tập giải tích hàm	Nguyễn Xuân Liêm	NXBGD	2009	25	Toán
6	7K495	Bài tập hình học cao cấp	Nguyễn Mộng Hy	NXBGD	2010	15	Toán
7	7K607	Bài tập Phương trình vi phân	Nguyễn Thế Hoàn - Trần Văn Nhung	NXBGD	2009	45	Toán
8	7K522	Biến đổi tích phân	GS.TSKH Đặng Đình An - TS Trần Lưu Cường - TS Huỳnh Bá Lân - TS Nguyễn Văn Nhân - TS Phạm Hoàng Quân	NXBGD	2009	35	Toán
9	7B760	BT Tin học đại cương	Tô Văn Nam	NXBGD	2010	35	Tin học Đại cương
10	7K603	BT tin học đại cương TurboPascal	Tô Văn Nam	NXBGD	2009	5	Tin học Đại cương
11	7K177	BT Toán cao cấp T1	Nguyễn Đình Trí (chủ biên) Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh	NXBGD	2010	5	Toán

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

TT	MS	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NXB	NĂM XB	SỐ LƯỢNG	DÙNG CHO MÔN HỌC
12	7K281	BT Toán cao cấp T2	GS.TS Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh	NXBGD	2010	35	Toán
13	7K282	BT Toán cao cấp T3	GS.TS Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh	NXBGD	2010	35	Toán
14	7K375	Cơ sở phương trình vi phân và lí thuyết ổn định	Nguyễn Thế Hoàn - Phạm Phú	NXBGD	2010	5	Toán
15	7G073	Giáo trình quốc phòng - an ninh dùng cho các trường đại học, cao đẳng T1	Bộ GD - ĐT - Bộ quốc phòng (Đào Huy Hiệp- Nguyễn Mạnh Hưởng - Lưu Ngọc Khai - Nguyễn Hoàng Minh - Trần Đại Nghĩa - Trần Đăng Thanh - Vũ Hoàng Tạo - Đỗ Xuân Tảo -	NXBGD	2010	35	Giáo dục Quốc phòng

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

TT	MS	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NXB	NĂM XB	SỐ LƯỢNG	DÙNG CHO MÔN HỌC
			Hoàng Khắc Thông - Lê Doãn Thuật - Tạ Ngọc Vãng - Nguyễn Từ Vượng - Nguyễn Trọng Xuân)				
16	7G074	Giáo trình quốc phòng - an ninh dùng cho các trường đại học, cao đẳng T2	Bộ GD - ĐT - Bộ quốc phòng (Nguyễn Tiến Hải - Nguyễn Hữu Hào - Phan Tân Hưng - Nguyễn Đình Lưu - Nguyễn Thanh Nghi - Nguyễn Văn Quý - Lê Đình Thi)	NXBGD	2010	5	Giáo dục Quốc phòng
17	7K471	Giải tích số	Nguyễn Minh Chương (Chủ biên) - Khuất Văn Ninh - Nguyễn Văn Tuấn - Nguyễn Tường	NXBGD	2009	5	Toán

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

TT	MS	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NXB	NĂM XB	SỐ LƯỢNG	DÙNG CHO MÔN HỌC
18	7K182	Giải tích T1	Nguyễn Xuân Liêm	NXBGD	2010	5	Toán
19	7K280	Giải tích T2	Nguyễn Xuân Liêm	NXBGD	2010	5	Toán
20	7L234	GT Pháp luật đại cương	TS Nguyễn Thị Thanh Thủy (chủ biên) - Ths Đào Thu Hà - Ths Đỗ Kim Hoàng - TS Nguyễn Vũ Hoàng - Ths Nguyễn Hữu Mạnh - Ths Đinh Hoài Nam - PGS.TS Trần Văn Nam - TS Nguyễn Hợp Toàn - PGS Nguyễn Hữu Viện	NXBGD	2010	5	Pháp luật đại cương
21	7B759	GT Tin học đại cương	Tô Văn Nam	NXBGD	2010	35	Tin học Đại cương
22	8N448	Tiếng Anh cơ sở Tập 1	Trần Văn Phước (chủ biên)	NXBGD	2009	10	Tiếng Anh
23	8N472	Tiếng Anh cơ sở Tập 2	Trần Văn Phước (chủ biên)	NXBGD	2010	10	Tiếng Anh
24	7K075	Toán cao cấp T1	GS.TS Nguyễn Đình	NXBGD	2010	10	Toán

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

TT	MS	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NXB	NĂM XB	SỐ LƯỢNG	DÙNG CHO MÔN HỌC
			Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh				
25	7K076	Toán cao cấp T2	GS.TS Nguyễn Đĩnh Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh	NXBGD	2010	10	Toán
26	7K077	Toán cao cấp T3	GS.TS Nguyễn Đĩnh Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh	NXBGD	2010	10	Toán
27	7B705	Toán rời rạc ứng dụng trong tin học	Đỗ Đức Giáo	NXBGD	2009	10	Toán
28	7X420	Translation : theory and practice (Dịch thuật : lý luận và thực tiễn)	Hoàng Văn Vân	NXBGD	2006	10	Tiếng Anh
29	7X407	Triết học Mác-Lênin-BT thực hành	Nguyễn Đăng Quang	NXBCT	2008	35	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa M-LN
30		Giáo trình đạo đức học	Học viện chính trị	NXBCT	2006	10	Đạo đức học

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

TT	MS	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NXB	NĂM XB	SỐ LƯỢNG	DÙNG CHO MÔN HỌC
			quốc gia HCM (Khoa triết học)				
31		Giáo trình kinh tế học chính trị Mác-Lênin	Hội đồng TW chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng HCM	NXBCT	2008	5	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa M-LN
32		Giáo trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Tái bản có sửa chữa, bổ sung)	Hội đồng TW chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng HCM	NXBCT	2008	5	Đường lối Cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam
33		Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (Tái bản có sửa chữa, bổ sung)	Hội đồng TW chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng HCM	NXBCT	2008	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh
34		Giáo trình triết học Mác-Lênin	Hội đồng TW chỉ đạo biên soạn	NXBCT	2008	5	Những nguyên lý cơ bản của chủ

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

TT	MS	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NXB	NĂM XB	SỐ LƯỢNG	DÙNG CHO MÔN HỌC
			giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng HCM				nghĩa M-LN
35		Hướng dẫn ôn thi môn triết học Mác-Lênin	TS Kim Ngọc Đại	NXBCT	2008	5	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa M-LN
36		Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Nguyễn Đăng Bình, Nguyễn Văn Dự			10	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học
37		900 câu tiếng Anh tr độ cơ bản T1	Joshua Kirkman (dịch Nguyễn Thành Yên)			55	Tiếng Anh
38		900 câu tiếng Anh tr độ cơ bản T1 (CD 1 x 5 bo)				25	Tiếng Anh
39		901 câu tiếng Anh tr độ cơ bản T2	Joshua Kirkman (dịch Nguyễn Thành Yên)			25	Tiếng Anh
40		901 câu tiếng Anh tr độ cơ bản T2 (CD 1 x 5 bo)				5	Tiếng Anh
41		902 câu tiếng Anh tr độ cơ bản T3	Joshua Kirkman (dịch Nguyễn			25	Tiếng Anh

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

TT	MS	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NXB	NĂM XB	SỐ LƯỢNG	DÙNG CHO MÔN HỌC
			Thành Yên)				
42		902 câu tiếng Anh tr độ cơ bản T3 (CD 1 x 5 bo)				25	Tiếng Anh
43		903 câu tiếng Anh tr độ cơ bản T4	Joshua Kirkman (dịch Nguyễn Thành Yên)			5	Tiếng Anh
44		903 câu tiếng Anh tr độ cơ bản T4 (CD 1 x 5 bo)				10	Tiếng Anh
45		Chuẩn kiến thức biến đổi câu tiếng Anh	Lờ Văn Sự			10	Tiếng Anh
46		Chuẩn kiến thức về đặt câu tiếng Anh	Lờ Văn Sự			5	Tiếng Anh
47		Chuẩn kiến thức về trắc nghiệm ngữ pháp	Lờ Văn Sự			5	Tiếng Anh
48		Contemporary topics 1	Giới thiệu Thanh Hải			25	Tiếng Anh
49		Contemporary topics 1(CD 2 x 5 bo)				10	Tiếng Anh
50		Contemporary topics 2	Giới thiệu Thanh Hải			10	Tiếng Anh
51		Contemporary topics 2 (CD 3 x 5 bo)				10	Tiếng Anh

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

TT	MS	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NXB	NĂM XB	SỐ LƯỢNG	DÙNG CHO MÔN HỌC
52		Contemporary topics 3	Giới thiệu Thanh Hải			25	Tiếng Anh
53		Contemporary topics 3 (CD 3 x 5 bo)				10	Tiếng Anh
54		English grammar in use				10	Tiếng Anh
55		English vocabulary in use elem				10	Tiếng Anh
56		English vocabulary in use pre				10	Tiếng Anh
57		English vocabulary in use upper				10	Tiếng Anh
58		Essential grammar in use				5	Tiếng Anh
59		Giải thích ngữ pháp tiếng Anh	Mai Lan Hương - Hà Thanh Uyển			5	Tiếng Anh
60		Giới từ tiếng Anh - Prepositions	Biên dịch: Nguyễn Thành Yên			25	Tiếng Anh
61		Mạo từ tiếng Anh - Articles				10	Tiếng Anh
62		Ngữ pháp tiếng Anh	Dịch và chỳ giải: Nguyễn Thành Yên - Mai lan Hương - Nguyễn Thanh Loan			10	Tiếng Anh

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

TT	MS	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NXB	NĂM XB	SỐ LƯỢNG	DÙNG CHO MÔN HỌC
63		New Headway - Pre-Intermediate, Oxford University	John and Liz Soars (Minh Thu dịch)	Nhà xuất bản Bách khoa thư	2012	02	Tiếng Anh 1
64		Toán cao cấp - Xác suất thống kê	Nguyễn Độc Lập	Trường ĐH Y Dược TN	2012	07	Toán cao cấp - Xác suất thống kê
65							Giáo dục quốc phòng
66		New Headway - Pre-Intermediate, Oxford University	John and Liz Soars (Minh Thu dịch)	Nhà xuất bản Bách khoa thư	2012	02	Tiếng Anh 2
67		Tin học và ứng dụng trong y sinh học	Hoàng Minh Hằng	Nhà xuất bản Giáo dục	2008	02	Tin học đại cương
68		Điện kinh		NXBTĐTT	1975	02	Giáo dục thể chất 1
69		Điện kinh	Dương Nghiệp Chí	Viện khoa học TĐTT	206	02	
70		Giáo trình điện kinh trường ĐHSPTĐTT Hà Nội		NXBTĐTT	204	02	
71		Giáo trình giáo dục thể chất				02	
72		Bóng chuyền		NXBTĐTT	1975	02	Giáo dục thể chất 2
73		Giáo trình bóng chuyền	Bộ môn BC Trường ĐHTĐTT	Hà Nội	204	02	

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

TT	MS	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NXB	NĂM XB	SỐ LƯỢNG	DÙNG CHO MÔN HỌC
74		Luật bóng chuyền	Nhiều tác giả	NXBTDTT	2009	02	
75		Huấn luyện bóng chuyền	liên đoàn bóng chuyền thế giới (FIVB)	NXBTDTT	1995	02	
76		Kỹ Thuật bóng rổ	Đinh Văn Can	NXBTDTT	1979	02	Giáo dục thể chất 3
77		Giáo trình bóng rổ	Nguyễn Hữu Bằng	NXBTDTT	2002	02	
78		Kỹ thuật bóng rổ	Đinh Văn Can	NXBTDTT	1978	02	
79		Luật bóng rổ		NXBTDTT	2002	02	
80		Cầu lông cho mọi nhà	Vụ Giáo dục thể chất	NXBTDTT	2010	02	
81		Lịch sử TDTT		NXBTDTT	2000	02	
82		Lý luận và phương pháp TDTT	Nguyễn Toán, Phạm Danh Tồn	NXB Hà Nội	1994	02	
83		English for Students of Nursing Science	Nguyễn Thị Ân	Trường ĐHY Dược TN	2008	02	Tiếng Anh 3

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

TT	MS	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NXB	NĂM XB	SỐ LƯỢNG	DÙNG CHO MÔN HỌC
84		NLCB của CN Mác - Lênin	Phạm Văn Sinh - Phạm Quang Phan	NXB Chính trị Quốc gia	2012	02	Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin
85		Giáo trình Triết học Mác – Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2008	02	
86		Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2008	02	
87		Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2008	02	
88		Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI		NXB Chính trị quốc gia	2006-2011	02	
89		Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam	Đinh Xuân Lý - Nguyễn Đăng Quang	NXB Chính trị Quốc gia	2012	02	Đường lối cách mạng của ĐCSVN
90		Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia	2010	02	
91		Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI		NXB Chính trị quốc gia	2006-2011	02	
92		Tư tưởng Hồ Chí Minh	Phạm Ngọc Anh	NXB Chính trị Quốc gia	2012	02	

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

TT	MS	TÊN SÁCH	TÊN TÁC GIẢ	NXB	NĂM XB	SỐ LƯỢNG	DÙNG CHO MÔN HỌC
93		Các tài liệu hướng dẫn học tập, nghiên cứu Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ban Tuyên giáo Trung ương	NXB Chính trị quốc gia		02	
94		Hồ Chí Minh toàn tập	Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh	NXB Chính trị quốc gia	2000	02	

+ Danh mục giáo trình và sách dùng cho học phần Ngoại ngữ: gồm Tiếng Anh và Tiếng Hàn

STT	Tên giáo trình	NXB	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
TÀI LIỆU CHO CÁC MÔN HỌC TIẾNG HÀN					
1.	한국어초급 연세한국어 1-1 Yonsei Korean 1-1	Trường Đại học Yonsei	2013	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Ngữ âm và từ vựng Tiếng Hàn
2.	한국어초급 연세한국어 1-2 Yonsei Korean 1-2	Trường Đại học Yonsei	2013	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn sơ cấp
3.	한국어초급 연세한국어 2-1 Yonsei Korean 2-1	Trường Đại học Yonsei	2013	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn sơ cấp
4.	한국어초급 연세한국어 2-2 Yonsei Korean 2-2	Trường Đại học Yonsei	2013	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn sơ cấp
5.	한국어초급 연세한국어 3-1	Trường Đại học Yonsei	2013	01	Các học phần bắt buộc của ngành/

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

STT	Tên giáo trình	NXB	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
	Yonsei Korean 3-1				Tiếng Hàn sơ cấp
6.	한국어초급 연세한국어 4-1 Yonsei Korean 4-2	Trường Đại học Yonsei	2013	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn sơ cấp
7.	한국어초급 연세한국어 5-1 Yonsei Korean 5-2	Trường Đại học Yonsei	2013	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn sơ cấp
8.	한국어초급 연세한국어 6-1 Yonsei Korean 6-2	Trường Đại học Yonsei	2013	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn sơ cấp
9.	Get it Korean Grammar 1	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn sơ cấp
10.	Get it Korean Reading 1	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn trung cấp
11.	Get it Korean Listening 1	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn trung cấp
12.	Get it Korean Writing 1	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn trung cấp
13.	Get it Korean Speaking 1	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn trung cấp
14.	Get it Korean Grammar 2	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn trung cấp
15.	Get it Korean Reading 2	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn trung cấp
16.	Get it Korean Listening 2	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/

STT	Tên giáo trình	NXB	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
					Tiếng Hàn trung cấp
17.	Get it Korean Writing 2	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn trung cấp
18.	Get it Korean Speaking 2	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn trung cấp
19.	Get it Korean Grammar 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn trung cấp
20.	Get it Korean Reading 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn trung, cao cấp
21.	Get it Korean Listening 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn trung cấp
22.	Get it Korean Writing 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn trung cao cấp
23.	Get it Korean Speaking 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn trung cao cấp
24.	Get it Korean Grammar 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn cao cấp
25.	Get it Korean Reading 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn cao cấp
26.	Get it Korean Listening 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn cao cấp

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

STT	Tên giáo trình	NXB	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
27.	Get it Korean Writing 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn cao cấp
28.	Get it Korean Speaking 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn cao cấp
29.	Get it Korean Grammar 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn cao cấp
30.	Get it Korean Reading 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn cao cấp
31.	Get it Korean Listening 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn cao cấp
32.	Get it Korean Writing 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn cao cấp
33.	Get it Korean Speaking 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn cao cấp
34.	Get it Korean Grammar 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn cao cấp
35.	Get it Korean Reading 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn cao cấp
36.	Get it Korean Listening 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn cao cấp
37.	Get it Korean Writing 3	Hawoo Publishing	2015	01	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Hàn cao cấp
38.	Get it Korean	Hawoo	2015	01	Các học phần bắt

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

STT	Tên giáo trình	NXB	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
	Speaking 3	Publishing			buộc của ngành/ Tiếng Hàn cao cấp
TÀI LIỆU HỌC CÁC MÔN TIẾNG ANH					
39.	900 câu tiếng Anh tr độ cơ bản T1			55	Tiếng Anh
40.	900 câu tiếng Anh tr độ cơ bản T1 (CD 1 x 5 bo)			25	Tiếng Anh
41.	901 câu tiếng Anh tr độ cơ bản T2			25	Tiếng Anh
42.	901 câu tiếng Anh tr độ cơ bản T2 (CD 1 x 5 bo)			5	Tiếng Anh
43.	902 câu tiếng Anh tr độ cơ bản T3			25	Tiếng Anh
44.	902 câu tiếng Anh tr độ cơ bản T3 (CD 1 x 5 bo)			25	Tiếng Anh
45.	903 câu tiếng Anh tr độ cơ bản T4			5	Tiếng Anh
46.	903 câu tiếng Anh tr độ cơ bản T4 (CD 1 x 5 bo)			10	Tiếng Anh
47.	Chuẩn kiến thức biến đổi câu tiếng Anh			10	Tiếng Anh
48.	Chuẩn kiến thức về đặt câu tiếng Anh			5	Tiếng Anh
49.	Chuẩn kiến thức về trắc nghiệm ngữ pháp			5	Tiếng Anh
50.	Contemporary topics 1			25	Tiếng Anh
51.	Contemporary topics			10	Tiếng Anh

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

STT	Tên giáo trình	NXB	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
	1(CD 2 x 5 bo)				
52.	Contemporary topics 2			10	Tiếng Anh
53.	Contemporary topics 2 (CD 3 x 5 bo)			10	Tiếng Anh
54.	Contemporary topics 3			25	Tiếng Anh
55.	Contemporary topics 3 (CD 3 x 5 bo)			10	Tiếng Anh
56.	English grammar in use			10	Tiếng Anh
57.	English vocabulary in use elem			10	Tiếng Anh
58.	English vocabulary in use pre			10	Tiếng Anh
59.	English vocabulary in use upper			10	Tiếng Anh
60.	Essential grammar in use			5	Tiếng Anh
61.	Giải thích ngữ pháp tiếng Anh			5	Tiếng Anh
62.	Giới từ tiếng Anh - Prepositions			25	Tiếng Anh
63.	Mạo từ tiếng Anh - Articles			10	Tiếng Anh
64.	Ngữ pháp tiếng Anh			10	Tiếng Anh
65.	New Headway - Pre-Intermediate, Oxford University	Nhà xuất bản Bách khoa thư	2012	02	Tiếng Anh 1
66.	English File - Third Edition - Elementary	Oxford University Press.	2012	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Ngữ âm và từ vựng Tiếng Anh
67.	New Headway	Oxford	1986	1	Các học phần bắt

STT	Tên giáo trình	NXB	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
	Upper-Intermediate	University Press.			buộc của ngành/ Tiếng Anh sơ cấp
68.	Toeic Training – Reading comprehension	NXB Thời Đại	2011	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh sơ cấp
69.	Britain, the country and its people: An introduction for learners of English	Oxford University Press.	1995	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh sơ cấp
70.	Britain for learners of English	Oxford University Press.	2009	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh sơ cấp
71.	Britain for learners of English - Workbook	Oxford University Press.	2009	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh sơ cấp
72.	Focus on an American Culture	Regents/ Prentice Hall	1993	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh sơ cấp
73.	Business in changing world, ninth edition	McGraw – Hill/Irwin	2014	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh sơ cấp
74.	New International Business English	University of Cambridge	2003	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh sơ cấp
75.	Business Administration Communication, Seventh Edition	McGraw – Hill/Irwin	2006	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung cấp
76.	English for Business Communication, Second Edition	Cambridge University Press.	2003	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung cấp
77.	Business Communication Today, Tenth	Pearson	2010	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung cấp

STT	Tên giáo trình	NXB	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
	Edition				
78.	Basic Business Communication	McGraw – Hill/Irwin	2005	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung cấp
79.	Business Communication – making Connection in a Digital World	McGraw – Hill/Irwin	2005	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung cấp
80.	Hướng dẫn luyện dịch Việt – Anh	NXB Thanh niên	2004	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung cấp
81.	Cẩm nang luyện dịch và ngữ pháp Tiếng Anh	NXB Văn hóa thông tin	2003	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung cấp
82.	1000 Reading Comprehension practice test items	NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh	2011	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung cấp
83.	Từ điển thuật ngữ chuyên ngành biên phiên dịch Anh – Việt	NXB Thanh niên	2004	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung cấp
84.	New Longman Real Toeic Full actual test	NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh	2009	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung cấp
85.	Glencoe Literature	Glencoe McGraw-Hill	2002	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung, cao cấp
86.	Academic Writing – A Handbook for International Students	Stephen Bailey	2011	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung cấp

STT	Tên giáo trình	NXB	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
87.	New Cutting Edge	NXB Từ điển bách khoa	2011	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung cao cấp
88.	Pathways – Listening, Speaking and Critical Thinking 4	National Geographic Learning	2013	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung cao cấp
89.	Strategic Reading 3: Building Effective Reading Skills	Cambridge University Press	2004	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
90.	Pathways – Reading, Writing and Critical Thinking 3	National Geographic Learning	2014	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung, cao cấp
91.	Pathways – Listening, Speaking and Critical Thinking 3	National Geographic Learning	2012	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung cấp
92.	Strategic Reading 2: Building Effective Reading Skills	Cambridge University Press	2003	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung cao cấp
93.	Pathways – Listening, Speaking and Critical Thinking 2	National Geographic Learning	2012	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh trung cao cấp
94.	Life Elementary	National Geographic Learning	2015	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
95.	Life 1 Student book	National Geographic Learning	2014	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
96.	An Introduction to	NXB Đại học	2000	1	Các học phần bắt

STT	Tên giáo trình	NXB	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
	discourse analysis	Quốc gia Hà Nội			buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
97.	Dụng học, một số dẫn luận nghiên cứu ngôn ngữ Đại học Tổng hợp Oxford	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2003	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
98.	Ngôn ngữ học đối chiếu và đối chiếu các ngôn ngữ Đông Nam Á	NXB Trường ĐH sư phạm ngoại ngữ	1992	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
99.	Selecting and Using Core Reading Programs	International Reading Association	2010	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
100.	New Headway – Pre Intermediate Student’s book – 4th Edition	Oxford University Press.	2012	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
101.	Mosaic 1 Grammar	McGraw – Hill Contemporary	2002	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
102.	Skillful Reading & Writing Student’s book 1	Macmillan Publishers Limited	2012	2	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
103.	Skillful Listening & Speaking Student’s book 2	Macmillan Publishers Limited	2013	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
104.	Skillful Reading & Writing Student’s book 2	Macmillan Publishers Limited	2013	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
105.	Mosaic 2 Writing	McGraw – Hill Contemporary	2007	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
106.	Cambridge English Skills: Real	Cambridge University	2008	1	Các học phần bắt buộc của ngành/

STT	Tên giáo trình	NXB	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
	Listening and Speaking with Answers 2	Press.			Tiếng Anh cao cấp
107.	Cambridge English Skills: Real Writing with Answers 2	Cambridge University Press.	2008	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
108.	Cambridge English Skills: Real Listening and Speaking with Answers 3	Cambridge University Press.	2008	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
109.	Skillful Reading & Writing Student's book 3	Macmillan Publishers Limited	2013	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
110.	Skillful Listening & Speaking Student's book 3	Macmillan Publishers Limited	2013	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
111.	Skillful Reading & Writing Student's book 4	Macmillan Publishers Limited	2014	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
112.	Skillful Listening & Speaking Student's book 4	Macmillan Publishers Limited	2014	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
113.	Cambridge Practice tests for IELTS	Cambridge University Press.	1996	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
114.	Essentials Behavioral Research: Methods and Data Analysis	McGraw – Hill	1991	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
115.	Language teaching methodology	Longman	2000	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
116.	Hướng dẫn đọc và	NXB Đại học	2003	1	Các học phần bắt

STT	Tên giáo trình	NXB	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
	dịch báo chí Anh – Việt	Quốc gia Hà Nội			buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
117.	Culture Magazine	McGraw – Hill	2007	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
118.	Culture Sketches	McGraw – Hill	2002	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
119.	Business: Connecting principles to practices	McGraw – Hill	2012	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
120.	Business Benmark	Cambridge University Press.	2006	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
121.	Business: An Integrative Approach	McGraw – Hill	2000	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
122.	Business: A changing world, 5th edition	McGraw – Hill	2006	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
123.	A culture of purpose	Jossey – Bass	2014	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
124.	A University grammar of English	NXB văn hóa thông tin	2010	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
125.	Understand and using English Grammar workbook	NXB Thanh niên	2000	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
126.	Practice English Usage	Oxford University Press.	2005	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
127.	Cambridge grammar	Cambridge	2006	1	Các học phần bắt

STT	Tên giáo trình	NXB	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
	of English	University Press.			buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
128.	Grammar and composition handbook	McGraw – Hill	2000	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
129.	Oxford English Grammar Course Intermediate	Oxford University Press.	2011	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
130.	English Phonetics and Phonology	Cambridge University Press.	1983	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
131.	Semantics a course book	Nhà sách Lê Quý Đôn	2001	1	Các học phần bắt buộc của ngành/ Tiếng Anh cao cấp
132.	English for International Tourism - Intermediate coursebook	Oxford University Press	2010		Tiếng Anh Du lịch
133.	Career Paths : Tourism – Listening & Speaking Book 2	New Edition, Pearson Education Limited	2013		Tiếng Anh Du lịch
134.	Great Writing 2 - Great Paragraphs (3 rd edition)	Express Publishing	2014		Tiếng Anh Du lịch

c) Danh mục sách chuyên khảo, tham khảo, tạp chí của ngành đào tạo Du lịch

T T	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bả n	Sử dụng cho học phần
10	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	NXB Giáo dục	2006		Cơ sở văn hóa Việt Nam
11	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Quốc Vượng	NXB Giáo dục	1999		Cơ sở văn hóa Việt Nam
12	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	NXB Giáo dục	2006		Cơ sở văn hóa Việt Nam
13	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch	PGS Nguyễn Văn Đính	Nhà xuất bản Thông Kê Hà Nội	1996		Kỹ năng giao tiếp trong du lịch
14	Giáo trình Kinh tế Du lịch	Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2008		Kinh tế Du lịch
15	Giáo trình Kinh tế du lịch	Vũ Đức Minh	NXB Thống kê	2009		Kinh tế Du lịch
16	Nhập môn khoa học du lịch	Trần Đức Thanh	NXB ĐHQG	1999		Tổng quan Du lịch
17	Tổng quan du lịch	Vũ Đức Minh	Nxb Giáo dục	1999		Tổng quan Du lịch
18	Giáo trình Đạo đức kinh doanh	PGS.TS. Nguyễn	Nhà xuất bản	2012		Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

	và Văn hóa công ty	Mạnh Quân	Đại học kinh tế quốc dân			
19	Giáo trình Nguyên Lý Kế Toán		NXB Lao động	2016		Nguyên Lý Kế Toán
20	Ứng xử văn hóa trong du lịch	Trần Thúy Anh	Nhà xuất bản ĐHQG Hà Nội	2004	1	Kỹ năng giao tiếp trong du lịch
21	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch	PGS Nguyễn Văn Đỉnh	Nhà xuất bản Thống kê Hà Nội	1996	1	Kỹ năng giao tiếp trong du lịch
22	Giáo trình Marketing căn bản	Trần Minh Sơn	NXB Kinh tế quốc dân	2006	2	Marketing căn bản
23	Giáo trình Marketing du lịch	Nguyễn Trọng Khánh	Nxb Lao động xã hội	2001	2	Marketing căn bản
24	Tin học văn phòng Microsoft Office 2013 cho người bắt đầu	Phạm Quang Huy	NXB Thanh niên	2016	3	Tin học ứng dụng
25	Tổ chức sự kiện	PGS.TS Lưu Văn Nghiêm	Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân	2007	1	Quản trị sự kiện du lịch
26	Khởi sự kinh doanh	Nguyễn Ngọc Huyền	Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân	2012	2	Khởi sự doanh nghiệp dịch vụ và lữ hành

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

27	Tâm lý học quản trị kinh doanh	Thái Trí Dũng	NXB Thống kê	2007	2	Tâm lý học ứng dụng trong kinh doanh
28	Giáo trình tâm lý học đại cương	Nguyễn Xuân Thúc	Nhà Xuất bản Đại học Sư Phạm	2007	1	Tâm lý học ứng dụng trong kinh doanh
29	Lịch sử văn minh thế giới	Vũ Dương Ninh	NXB Giáo dục	2003	2	Lịch sử văn minh thế giới
30	Dân tộc học đại cương	Lê Sĩ Giáo, Hoàng Lương - Lâm Bá Nam - Lê Ngọc Thắng	, NXB Giáo dục	2005	2	Dân tộc học đại cương
31	Giáo trình “Thanh toán quốc tế trong Du lịch	Trần Thị Minh Hòa	NXB Lao Động,	2006	2	Thanh toán quốc tế trong Du lịch
32	Tài liệu thực hành nghiệp vụ lễ tân theo tiêu chuẩn VTOS (2015)	Tổng cục Du lịch Việt Nam		2015	2	Nghiệp vụ lễ tân khách sạn
33	Giáo trình thực hành nghiệp vụ lễ tân	Nguyễn Trung Kiên	NXB Hà Nội	2007	1	Nghiệp vụ lễ tân khách sạn
34	Quản trị kinh doanh khách sạn	TS. Nguyễn Văn Mạnh –	NXB ĐH Kinh tế quốc	2008	3	Quản trị kinh doanh khách sạn

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

		Th.s Hoàng Thị Lan Hương	dân Hà Nội			
35	Quản trị kinh doanh lữ hành	TS. Nguyễn Văn Mạnh, TS. Phạm Hồng Chương (Đồng chủ biên)	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2006	2	Quản trị kinh doanh lữ hành
36	Giáo trình Nghệ vụ hướng dẫn du lịch	Dương Thị Thu Hà	NXB Giáo dục	2011	1	Nghệ vụ hướng dẫn du lịch
37	Nghệ vụ hướng dẫn du lịch	Đình Trung Kiên	NXB Đại học Quốc gia	2008	2	Nghệ vụ hướng dẫn du lịch
38	Tiêu chuẩn nghề du lịch Việt Nam (VTOS), Hướng dẫn du lịch, Thuyết minh du lịch	Tổng cục du lịch		2013	3	Nghệ vụ hướng dẫn du lịch
39	Tài liệu thực hành nghiệp vụ nhà hàng theo tiêu chuẩn VTOS (2015)	Tổng cục Du lịch Việt Nam		2015	3	Nghệ vụ nhà hàng
40	The big book of teambuilding	John Newstro	McGraw -Hill	1998	1	Kỹ năng hoạt náo teambuilding trong du lịch

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

	games	n & Edward Scannell	Educatio n			
41	Tuyển điểm du lịch	Bùi Thị Hải Yến	NXB Giáo dục	2006	2	Tuyển điểm du lịch Việt Nam
42	Tài liệu thực hành nghiệp vụ buồng theo tiêu chuẩn VTOS (2015)	Tổng cục Du lịch Việt Nam		2015	2	Nghiệp vụ buồng phòng khách sạn
43	Luật Du lịch Việt Nam 2017		NXB Chính trị Quốc gia	2017	3	Pháp luật trong kinh doanh du lịch
44	Giáo trình pháp luật đại cương		NXB Đại học KTQD	2008	2	Pháp luật trong kinh doanh du lịch
45	The Bar & Beverage Book (Fifth Edition)	Katsigris . C & Thomas	C. John Wiley & Sons, Inc	2012	1	Nghiệp vụ pha chế
46	Nâng cao nghiệp vụ Bartender và pha chế Cocktail rượu Việt Nam	Nguyễn Xuân Ra	NXB Thông tin và truyền thông	2014	1	Nghiệp vụ pha chế
47	Tài liệu Chế biến món ăn theo tiêu chuẩn VTOS	Tổng cục Du lịch Việt Nam		2015	2	Kỹ thuật chế biến món ăn
48	Giáo trình Văn hóa ẩm thực	Nguyễn Nguyệt Cẩm	NXB Hà Nội, Hà Nội	2008	2	Kỹ thuật chế biến món ăn
49	Giáo trình Quản trị nhân lực	Nguyễn Văn Điềm,	NXB Đại học Kinh tế	2015	1	Quản trị nhân lực trong du lịch

		Nguyễn Ngọc Quân	quốc dân			
50	Quản trị nguồn nhân lực	Trần Kim Dung	Nhà xuất bản Thống kê	2009	1	Quản trị nhân lực trong du lịch

1.2. Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

1.2.1. Nghiên cứu khoa học

Cùng với đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) và phát triển công nghệ được Nhà trường xác định là một trong hai nhiệm trọng tâm để thực hiện mục tiêu và sứ mạng xây dựng Trường ĐHV B trở thành trường đại học có uy tín cao trong lĩnh vực đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ (CGCN) trong khu vực trung du, miền núi phía Bắc và trong cả nước. Vai trò quan trọng của hoạt động khoa học và công nghệ đối với sự phát triển của Trường Đại học Việt Bắc đã được xác định trong mục tiêu, tầm nhìn và chiến lược phát triển của Nhà trường

Nhận thức được vai trò quan trọng của hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) trong trường đại học, ngay sau khi được thành lập, Nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN phù hợp với sứ mạng của Nhà trường và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai thực hiện. Với quyết tâm cao của lãnh đạo Nhà trường và được sự đồng thuận, tham gia tích cực của đội ngũ cán bộ giảng dạy, hoạt động KH&CN của Trường Đại học Việt Bắc đã được triển khai theo đúng kế hoạch, nội dung thực hiện phù hợp với sứ mạng của Nhà trường đã công bố.

Thực tế, Trường Đại học Việt Bắc mới đi vào hoạt động trong khoảng thời gian hơn 7 năm (2013-2020), và trong điều kiện Nhà trường không được Nhà nước cấp kinh phí cho hoạt động KH&CN, đội ngũ cán bộ ít (gần 100 người) nhưng hoạt động KH&CN đã được triển khai trong cả hai lĩnh vực NCKH, CGCN và đã đạt được những kết quả hết sức quan trọng, tạo đà phát triển cho những năm tiếp theo. Trong giai đoạn (2013-2020) nhà trường đã triển khai được 30 đề tài NCKH, 04 dự án KH&CN và đến nay đã nghiêm thu được 25 đề tài NCKH, 04 dự án KH&CN. Cũng trong thời gian này, Nhà trường đã công bố được 87 kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế (Trong đó có 11 công bố trên các tạp san, kỷ yếu khoa học quốc tế)

Kết quả hoạt động NCKH và phát triển công nghệ trong những năm qua đã góp phần quan trọng nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ

giảng dạy, quản lý và đóng góp vào phát triển các nguồn lực của Nhà trường. Đồng thời kết quả CGCN vào doanh nghiệp và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đã góp phần nâng cao vị thế của trường ĐHV B trong khu vực.

1.2.2. Hợp tác quốc tế

Nhận thức được tầm quan trọng của hội nhập Quốc tế đối với giáo dục Đại học, Trường Đại học Việt Bắc luôn xem hợp tác quốc tế (HTQT) là một hoạt động quan trọng trong chiến lược phát triển của mình. Nhà trường xác định, trọng tâm của hoạt động hợp tác quốc tế là góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH, uy tín và hình ảnh của Trường ở trong nước cũng như trên phạm vi quốc tế. Vì vậy, tuy mới thành lập nhưng Nhà trường đã có những bước đầu chủ động thiết lập quan hệ, ký kết hợp tác với nhiều đối tác nước ngoài. Nhà trường đã xây dựng quy định, quy trình HTQT nhằm làm cơ sở pháp lý cho các hoạt động HTQT được thực hiện đúng quy định của Nhà nước. Hiện tại, Nhà trường đang tích cực đẩy mạnh việc tìm kiếm cơ hội HTQT nhằm từng bước nâng cao năng lực đội ngũ, bồi dưỡng chuyên môn, trao đổi các chương trình đào tạo, giao lưu khoa học và tăng nguồn cơ sở vật chất, tài liệu thông tin phục vụ việc học tập và nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Trong những năm qua, Trường Đại học Việt Bắc đã đạt được những thành tích đáng kể trong quan hệ quốc tế và đã mang lại những hiệu quả trong đào tạo và nghiên cứu khoa học. Cụ thể:

- Trường Đại học Việt Bắc đã mời các đoàn ngoại giao như Ba Lan, Hàn Quốc, các cơ sở giáo dục của các nước Malaysia, Mỹ, Hàn Quốc đến trường trao đổi về hợp tác trong đào tạo, NCKH. Nhà trường cũng đã tổ chức tham quan, khảo sát tại một số trường của nước ngoài nhằm học hỏi kinh nghiệm và tìm cơ hội hợp tác như các trường của Anh, của Malaysia.

- Trường đã kí 4 hợp đồng đào tạo với các đối tác nước ngoài là Entrepreneurial, Incubation & Career Center Southern University College, Malaysia, kí kết hợp tác toàn diện với Sourthern University College Malaysia, Calsouthern University Mỹ và Thỏa thuận hợp tác với Trung tâm văn hóa Việt-Hàn.

- Trường cũng đã làm việc với Đại sứ quán nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và lãnh đạo Sở Giáo dục-Thể thao, đã đón và đào tạo 2 khóa với 128 lưu học sinh.

- Trường có quan hệ hợp tác với Tổ chức Hessen Cộng hoà Liên Bang Đức. Nhờ vậy, hàng năm (bắt đầu từ năm 2014), Trường đều được cấp 4-6 suất học bổng Hessen trị giá 210 Euro/1 suất của Bộ Khoa học và Nghệ thuật Bang Hessen-Đức trao cho sinh viên (tổng cộng có 26 sinh viên đạt học bổng Hessen).

1.2.3. Các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và quan hệ quốc tế

Trong những năm qua, Trường Đại học Việt Bắc đã tuyển sinh được 7 khoá đào tạo và đã có 4 khoá sinh viên tốt nghiệp ra trường. Hiện nay, trường đang có gần 1000

SV đang học tại trường; đặc biệt, có gần 130 sinh viên nước ngoài (sinh viên Lào) đang theo học bậc đại học tại Trường.

Tuy là một trường đại học tư thục mới được thành lập, Trường Đại học Việt Bắc cũng đã rất chú trọng đến công tác nghiên cứu khoa học và coi đây là một trong hai nhiệm vụ trọng tâm của Trường và đã đạt được một số thành công trong nghiên cứu khoa học với 55 đề tài NCKH các cấp đã được nghiệm thu và 57 bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Đặc biệt Trường có nhiều đề tài và dự án nghiên cứu khoa học-chuyển giao công nghệ với các doanh nghiệp trong nước.

Ngoài ra, Trường Đại học Việt Bắc đã có cố gắng trong công tác quan hệ quốc tế và đã đạt được nhiều kết quả đáng kể. Trường đang có quan hệ về đào tạo và NCKH với trường Đại học Bắc Malixia (Nouthern Malixia), Trường Đại học Califocnia, Mỹ (Califocnia University); đặc biệt Trường có quan hệ hợp tác với Trung tâm Giao lưu Văn hoá Hữu nghị Việt-Hàn, Hàn Quốc và một số giảng viên người Hàn Quốc giảng dạy tiếng Hàn tại Trường Đại học Việt Bắc.

**PHẦN III. CHƯƠNG TRÌNH
ĐÀO TẠO VÀ ĐỀ CƯƠNG
CHI TIẾT HỌC PHẦN**

PHẦN III: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 86/QĐ-ĐHVB ngày 03 tháng 8 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Bắc)*

- Tên chương trình	Du lịch
- Trình độ đào tạo	Đại học
- Ngành đào tạo	Du lịch
- Mã ngành	7810101
- Loại hình đào tạo	Chính quy

A. CĂN CỨ XÂY DỰNG VÀ GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Căn cứ xây dựng

1.1. Các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và về mở ngành đào tạo

- + Luật giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;
- + Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng BGD&ĐT).
- + Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 về Sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- + Thông tư số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 về Văn bản hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;
- + Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- + Công văn số 3281/BGDĐT-GDĐH ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức thực hiện một số nội dung liên quan đến

thẩm định chương trình đào tạo theo quy định của Thông tư số 07/2015/TT- BGDĐT ngày 16/4/2015;

+ Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành tại Thông tư số 22/2017/TT-BGD&ĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017;

+ Danh mục đào tạo cấp IV - trình độ Cao đẳng Đại học, ban hành kèm theo Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Công văn số 3056/BGDĐT-GDĐH ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị;

+ Quyết định số 4890/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung các môn Lý luận chính trị đối với đào tạo trình độ đại học các ngành không chuyên về lý luận chính trị;

+ Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học;

+ Thông tư số 07/2020/TT-BGDĐT ngày 20/3/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 01/2019/TT-BGDĐT ngày 28/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Tham khảo chương trình khung và chương trình đào tạo ngành Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành của một số trường đại học đang đào tạo ngành Du lịch, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành trong nước và ngoài nước.

1.2. Các văn bản pháp quy và định hướng phát triển Trường Đại học Việt Bắc

- Quyết định số 1341/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 05/8/2011 về việc thành lập Trường Đại học Việt Bắc;

- Quyết định số 2162/QĐ-UBND ngày 26/8/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên về việc công nhận Hội đồng Quản trị và các chức vụ lãnh đạo Trường Đại học Việt Bắc;

- Quyết định số 03/QĐ-ĐHVB ngày 08 tháng 3 năm 2015 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị về việc ban hành Quy chế tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Việt Bắc.

- Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Việt Bắc ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-HĐQT ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- "Quy hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Việt Bắc giai đoạn 2013 - 2020 và tầm nhìn đến 2030" được ban hành kèm theo Quyết định số 18/QĐ-ĐHVB ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Bắc;

- "Quy hoạch phát triển trung hạn Trường Đại học Việt Bắc giai đoạn 2016 - 2020" được ban hành kèm theo Quyết định số 14/QĐ-ĐHVB ngày 17 tháng 02 năm 2016 Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Bắc;

2. Giới thiệu chương trình

- Chương trình đào tạo Du lịch trình độ đại học của Trường Đại học Việt Bắc được cấu trúc theo Thông tư 08/2011/ TT-BGDĐT ngày 17 tháng 2 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về mở mã ngành đào tạo và Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng BGD&ĐT). Chương trình cũng cập nhật Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và các công văn, quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thời gian của chương trình đào tạo là 4 năm với khối lượng kiến thức toàn khóa là 125 tín chỉ (không kể học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh), trong đó kiến thức giáo dục đại cương là 40 tín chỉ, kiến thức giáo dục chuyên nghiệp là 85 tín chỉ, trong đó kiến thức cơ sở ngành là 13 tín chỉ, kiến thức ngành là 21 tín chỉ và chuyên ngành là 37 tín chỉ, bốn học phần tự chọn là 8 tín chỉ, thực tập và tốt nghiệp là 14 tín chỉ.

B. NỘI DUNG CHI TIẾT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người học phát triển một cách toàn diện:

- Có phẩm chất đạo đức, chính trị, có ý thức nghề nghiệp, thái độ lao động tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, khả năng tham gia vào các hoạt động xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Có thể giới quan, nhân sinh quan rõ ràng, có khả năng nhận thức, đánh giá các

hiện tượng một cách logic và tích cực.

- Có kiến thức chuyên môn vững vàng, kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, biết giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Du lịch.

- Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Du lịch có thể đảm nhiệm các công việc tại các đơn vị sự nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ du lịch, cơ quan quản lý nhà nước về du lịch, các tổ chức phi Chính phủ về Du lịch lữ hành, lưu trú du lịch trong phạm vi quốc gia và quốc tế; các cơ quan kinh doanh, nghiên cứu về du lịch, có thể tham gia đào tạo liên quan đến lĩnh vực Du lịch.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức:

- Nắm vững kiến thức nền tảng về nhân sinh quan, thế giới quan của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, về pháp luật, ngoại ngữ và tin học.

- Hiểu kiến thức cơ bản về ngành Du lịch, về kinh tế, quản lý phát triển, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, thị trường và cạnh tranh. Hiểu biết cơ bản tài chính, kế toán, thống kê, marketing, tâm lý - hành vi; các nguyên lý và đặc thù của hoạt động du lịch; tổ chức kinh doanh dịch vụ du lịch; làm cơ sở để nghiên cứu sâu về nghiệp vụ quản trị kinh doanh du lịch;

- Vận dụng kiến thức về quản lý và phát triển điểm đến; quy hoạch, kế hoạch phát triển các khu, tuyến, điểm du lịch; Du lịch bền vững, Du lịch cộng đồng, Quản lý du lịch quốc tế;

- Tổng hợp kiến thức chuyên sâu về phát triển và bán sản phẩm du lịch, lữ hành, lưu trú du lịch, marketing; kiến thức về các loại hình du lịch, đặc biệt các loại hình du lịch mới: MICE, du lịch khai thác giá trị văn hóa bản địa, du lịch xanh; du lịch cộng đồng;

- Vận dụng kiến thức cơ bản về giao tiếp, thị hiếu khách hàng để kịp thời cung cấp các dịch vụ lữ hành, lưu trú, ăn uống, vận chuyển và bố trí các điểm tham quan phù hợp với nhu cầu của du khách;

- Tổng hợp kiến thức chuyên sâu liên quan đến việc tổ chức và thực hiện hoạt động kinh doanh du lịch; các kiến thức chuyên sâu quản trị tour du lịch, đại lý lữ hành, kinh doanh khách sạn - nhà hàng, sự kiện-hội nghị/du lịch MICE, vui chơi giải trí; quy trình thiết kế, quá trình điều hành và quản lý hoạt động cung ứng dịch vụ... tại các đơn vị kinh doanh du lịch.

1.2.2. Về kỹ năng

- Có kỹ năng thiết lập và duy trì mối quan hệ với các nhà cung cấp dịch vụ du lịch và lữ hành, cung ứng các dịch vụ du lịch, lữ hành cho khách.

- Có kỹ năng thực thi các chương trình, các công đoạn phục vụ cho công tác quản

trị ở cấp tác nghiệp tại các khách sạn, cơ sở lưu trú, công ty du lịch, đại lý lữ hành, văn phòng du lịch, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, các doanh nghiệp tổ chức sự kiện; thực hiện được nghiệp vụ hướng dẫn; thực hiện được việc tư vấn, cung cấp các dịch vụ trong các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, khả năng làm việc tập thể và quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

- Có khả năng vận dụng kiến thức đào tạo vào thực tế công tác và tự học tập, rèn luyện và tu dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

*** Kỹ năng cứng**

- Kỹ năng thiết lập và duy trì mối quan hệ với các nhà cung cấp dịch vụ du lịch
- Kỹ năng cung ứng các dịch vụ du lịch, lữ hành cho khách.
- Kỹ năng chuyên sâu, đặc biệt kỹ năng tiếp thị và tiêu thụ sản phẩm du lịch và lữ hành.
- Kỹ năng lập kế hoạch, điều phối công việc và giám sát hoạt động trong các đơn vị kinh doanh du lịch – lữ hành.

- Kỹ năng phân tích, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra giám sát chương trình Du lịch (Tour).

- Kỹ năng quản trị tác nghiệp buồng, bàn, lễ tân trong cơ sở kinh doanh lưu trú.

- Kỹ năng thực thi các chương trình, các công đoạn phục vụ cho công tác quản trị ở cấp tác nghiệp tại các khách sạn, cơ sở lưu trú, công ty du lịch, đại lý lữ hành, văn phòng du lịch, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, các doanh nghiệp tổ chức sự kiện; thực hiện được nghiệp vụ hướng dẫn; thực hiện được việc tư vấn, cung cấp các dịch vụ trong các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, khả năng làm việc tập thể và quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

- Kỹ năng làm báo cáo cho các công việc chuyên môn về du lịch-dịch vụ: tham mưu, đề xuất về công tác quản lý, điều hành; về kinh doanh lữ hành, khách sạn, nhà hàng, sự kiện; xây dựng, thực hiện và kiểm soát hiệu quả các kế hoạch làm việc ở vị trí công tác.

- Kỹ năng phối hợp xác lập và thực hiện được các bước công việc trong công tác tài chính, kế toán, công tác quản trị, các nghiệp vụ kinh doanh cụ thể đối với một doanh nghiệp kinh doanh du lịch; thực hiện thành thạo thao tác trong hướng dẫn và bán hàng cho du khách;

- Kỹ năng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và lữ hành.

*** Kỹ năng mềm**

- Kỹ năng thuyết phục khách hàng.

- Kỹ năng giao tiếp, trình bày những giải pháp phức tạp, giải pháp thay thế,... thông qua các báo cáo thuyết trình chuyên môn...

- Kỹ năng làm việc nhóm.

- Kỹ năng quản lý bản thân.

- Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ thông dụng.
- Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin ở mức cơ bản.

1.2.3. Thái độ

- Hiểu biết và có trách nhiệm: chấp hành đường lối chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; tự giác thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của người công dân.

- Thái độ, phong cách văn minh, lịch thiệp, niềm nở, hiếu khách, nhiệt tình, tận tâm, yêu nghề, luôn ân cần giúp đỡ khách (Quan hệ chủ nhà – khách quý).

- Thái độ tự tôn, tự hào dân tộc trong đón tiếp phục vụ khách.

- Thái độ tôn trọng và có trách nhiệm với môi trường Du lịch.

- Thái độ của nhà cung ứng dịch vụ du lịch và lễ hành chuyên nghiệp.

- Trung thực, năng động, tự tin, có trách nhiệm và ý thức phục vụ cộng đồng, hòa hợp và cầu thị.

- Dám nghĩ, dám làm và biết đương đầu với rủi ro.

1.2.4. Về trình độ Ngoại ngữ

- Áp dụng chuẩn đầu ra tiếng Anh tương đương trình độ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (*Tương đương cấp độ B1 của CEFR - Khung tham chiếu ngôn ngữ chung của Hội đồng châu Âu*).

- Công nhận đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi đáp ứng một trong những điều kiện sau: Có kết quả đạt trong kỳ đánh giá chuẩn đầu ra tiếng Anh do Nhà trường tổ chức trong thời hạn 3 năm tính từ ngày có quyết định công nhận đạt chuẩn đầu ra đến ngày xét tốt nghiệp.

- Có một trong những chứng chỉ quốc tế tiếng Anh: TOEFL 450, TOEFL iBT 57, TOEIC 450, IELTS 4.5, PET 70, BULATS 40 còn thời hạn tính từ ngày được cấp chứng chỉ đến ngày xét tốt nghiệp được, Trường Đại học Việt Bắc xác minh và công nhận.

1.2.5. Về trình độ Tin học

- Đạt chuẩn đầu ra về Tin học không chuyên tại Trường Đại học Việt Bắc về việc kiểm tra kiến thức và những kỹ năng thực hành theo chuẩn IC3: Có kiến thức căn bản về máy tính (phần cứng, phần mềm, biểu diễn dữ liệu trên máy tính, mạng máy tính, vấn đề tổ chức và lưu trữ dữ liệu trên máy tính, tìm kiếm và trao đổi thông tin trên Internet, vấn đề an toàn thông tin).

- Kỹ năng xử lý văn bản: soạn thảo và trình bày văn bản từ đơn giản đến tài liệu dài (thực hiện được cấu trúc một văn bản trong Microsoft Word, tạo mới, nhập văn bản, lưu trữ, sử dụng lại văn bản, copy, cut,... định dạng văn bản, mail messenger, sử dụng Template và Style).

- Kỹ năng xử lý bảng tính căn bản: hiểu và thao tác thành thạo trên các thành phần giao diện của Microsoft Excel, nhập dữ liệu đúng, vận dụng một số hàm và các toán tử của Excel, biểu đồ.

- Kỹ năng tạo trình chiếu: tạo và trình bày tập tin trình chiếu với PowerPoint, các hiệu ứng khi trình chiếu, in slide, Handout.

- Kỹ năng xử lý CSDL (căn bản): tạo một CSDL, nhập dữ liệu và truy vấn trong cơ sở dữ liệu Access, tạo form và report đơn giản trong Access.

1.2.6. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

- Chuyên viên các đơn vị sự nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ du lịch và lữ hành, cơ quan quản lý nhà nước về du lịch, các tổ chức phi Chính phủ về Du lịch lữ hành, lưu trú du lịch trong phạm vi quốc gia và quốc tế;

- Tạo lập/khởi nghiệp cơ sở kinh doanh mới trong lĩnh vực dịch vụ du lịch;

- Tham gia giảng dạy, nghiên cứu trong lĩnh vực du lịch;

- Tiếp tục học tập lên bậc thạc sĩ, tiến sĩ để phát triển cao hơn trong lĩnh vực quản lý, quản trị kinh doanh và du lịch.

2. Chuẩn đầu ra

Sinh viên tốt nghiệp ngành Du lịch có khả năng như sau:

Mã số CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
1. Chuẩn về kiến thức	
CDR1	Hiểu biết về thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và có khả năng nhận thức, đánh giá các hiện tượng một cách logic và tích cực.
CDR2	Hiểu biết và vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị, pháp luật vào các vấn đề thực tiễn.
CDR3	Nắm vững kiến thức giáo dục An ninh - Quốc phòng và năng lực thể chất.
CDR4	Có trình độ tin học văn phòng tương đương với trình độ A
CDR5	Sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
CDR6	Giải thích được các kiến thức cơ bản về du lịch và các vấn đề liên quan.
CDR7	Áp dụng được kiến thức cơ bản của khoa học quản lý trong kinh doanh du lịch, đặc biệt trong kinh doanh lữ hành, khách sạn và tổ chức sự kiện.

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

CĐR8	Vận dụng được kiến thức liên ngành về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, địa lý, khoa học công nghệ, luật pháp trong kinh doanh du lịch và góp phần tích cực vào nghiên cứu, phát triển du lịch một cách bền vững.
CĐR9	Hiểu biết kiến thức về quản lý và phát triển điểm đến; quy hoạch, kế hoạch phát triển các khu, tuyến, điểm du lịch; Du lịch bền vững, Du lịch cộng đồng, Quản lý du lịch quốc tế.
CĐR10	Kịp thời cung cấp các dịch vụ lữ hành, lưu trú, ăn uống, vận chuyển và bố trí các điểm tham quan phù hợp với nhu cầu của du khách.
CĐR11	Vận dụng được các kiến thức và phần mềm chuyên ngành để phát triển và bán sản phẩm du lịch, lữ hành, lưu trú du lịch, marketing.
CĐR12	Áp dụng kiến thức du lịch để xây dựng tổ chức và thực hiện hoạt động kinh doanh du lịch.
CĐR13	Nắm bắt môi trường kinh doanh, hoạch định chính sách kinh doanh du lịch, khách sạn và nhà hàng.
2. Chuẩn về kỹ năng (bao gồm kỹ năng cứng và kỹ năng mềm)	
CĐR14	Thiết lập và duy trì mối quan hệ với các nhà cung cấp dịch vụ du lịch và lữ hành
CĐR15	Cung ứng các dịch vụ du lịch, lữ hành cho khách, tiếp thị và tiêu thụ sản phẩm du lịch và lữ hành
CĐR16	Đánh giá được tình trạng của thiết bị và đưa ra được biện pháp xử lý khi xảy ra sự cố hư hỏng
CĐR17	Lập kế hoạch, điều phối công việc và giám sát hoạt động trong các đơn vị kinh doanh du lịch – lữ hành
CĐR18	Thực thi các chương trình, các công đoạn phục vụ cho công tác quản trị ở cấp tác nghiệp tại các khách sạn, cơ sở lưu trú, công ty du lịch, đại lý lữ hành, văn phòng du lịch; thực hiện được nghiệp vụ hướng dẫn...
CĐR19	Kỹ năng nghiên cứu và khám phá kiến thức du lịch.
CĐR20	Lập báo cáo, thuyết trình, phản biện.
CĐR21	Làm việc nhóm, tổ chức công việc
3. Chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR22	Phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm công dân

CĐR23	Tuân thủ nội quy, quy định pháp luật
CĐR24	Có trách nhiệm cao với công việc
CĐR25	Có trách nhiệm tốt với tập thể và xã hội

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

125 tín chỉ (không bao gồm 14 tín chỉ Giáo dục Thể chất và Giáo dục QP-AN)

3.1. Thời gian đào tạo và khối kiến thức

- Thời gian đào tạo: 04 năm
- Khối kiến thức: 125 tín chỉ

3.2. Cấu trúc các khối kiến thức của chương trình giáo dục

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
1	Kiến thức giáo dục đại cương	40
1.1	Lý luận chính trị	11
1.2	Khoa học xã hội	8
1.3	Ngoại ngữ - Tin học	21
1.4	<i>Giáo dục thể chất</i>	3
1.5	<i>Giáo dục quốc phòng an ninh</i>	11
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	85
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	13
2.2	Kiến thức ngành	21
2.3	Kiến thức chuyên ngành	37
2.3.1	<i>Các học phần bắt buộc</i>	29
2.3.2	<i>Các học phần tự chọn</i>	8
2.3	Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	14
Tổng số:		125

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 40 tín chỉ (chiếm 32,0%)

- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 85 tín chỉ (chiếm 68 %)

Trong đó:

- *Phần lý thuyết 105 tín chỉ (chiếm 40,1%)*

- *Phần kiến tập, thực tập 12 tín chỉ (chiếm 9,6%)*

- *Khoá luận tốt nghiệp 08 tín chỉ (chiếm 6,4%)*

4. Đối tượng tuyển sinh

Thực hiện tuyển sinh theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo các quy định của Trường.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ: Thực hiện theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/ 8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo và thông tư 57 2012/TT ngày 27/12/2012 (Sửa đổi và bổ sung một số quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ).

- Điều kiện tốt nghiệp: Theo quy định của Trường Đại học Việt Bắc.

6. Cách thức đánh giá

6.1. Cách thức đánh giá chung toàn khóa

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ thông qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần (cả đạt và không đạt) mà sinh viên đăng ký trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B, C, D, tính từ đầu khóa học.

4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B, C, D, mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

6.2. Cách thức đánh giá học phần

6.2.1. Đối với học phần lý thuyết (hoặc lý thuyết có thực hành môn học, tiểu luận, thảo luận)

a) Điểm tổng hợp đánh giá học phần (gọi tắt là điểm học phần) được xác định bởi các loại điểm: Điểm thi kết thúc học phần và Điểm quá trình (là điểm trung bình các điểm đánh giá bộ phận trong quá trình giảng dạy).

Trong đó các điểm đánh giá bộ phận được quy định như sau:

- Điểm kiểm tra định kỳ - tính hệ số 2:

- Là điểm kiểm tra hết chương hoặc hết từng phần chính của học phần (thời gian làm bài là 1 tiết), kiểm tra phần thực hành môn học, điểm tiểu luận.

- Số lần kiểm tra định kỳ: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

- Điểm kiểm tra thường xuyên - tính hệ số 1:

- Là điểm kiểm tra hỏi đáp đầu giờ hoặc trong giờ lên lớp, kiểm tra từ 15 phút trở xuống, kiểm tra nhận thức và thái độ tham gia thảo luận của sinh viên trong giờ học.

• Số lần kiểm tra thường xuyên: Khoa, tổ môn quy định số lần kiểm tra tối thiểu cho từng học phần.

- Điểm chuyên cần - có hệ số bằng số tín chỉ của học phần đó.

• Điểm chuyên cần được đánh giá theo thời gian tham gia học tập trên lớp và mức độ hoàn thành những nhiệm vụ do giảng viên giao, cụ thể như sau:

Theo thời gian tham gia học tập trên lớp:

^a Đi học đầy đủ số tiết trong chương trình được tính: 8 điểm.

° Nghỉ học dưới 20% số tiết trong chương trình được tính: 6 điểm.

° Nghỉ học từ 20% trở lên; dưới 30% số tiết trong chương trình được tính: 4 điểm.

° Nghỉ học từ 30% trở lên; dưới 50% số tiết trong chương trình được tính: 2 điểm.

° Nghỉ học từ 50% số tiết trong chương trình trở lên được tính: 0 điểm.

Theo mức độ hoàn thành những nhiệm vụ của giảng viên giao: Do giảng viên giảng dạy chủ động đánh giá, điểm số tối đa là 2 điểm.

• Số lần đánh giá điểm chuyên cần: 1 lần, vào thời điểm kết thúc học phần.

b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận, thi kết thúc học phần do Bộ môn đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định công khai trong đề cương chi tiết của học phần.

6.2.2. Đối với các học phần thực hành

1. Điểm đánh giá bộ phận là điểm đánh giá các bài thực hành trong quá trình giảng dạy, điểm này được làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Số lần đánh giá các bài thực hành: Được quy định bằng số tín chỉ của học phần đó.

3. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận trừ bài thi kết thúc học phần.

GHI CHÚ:

1. Điểm đánh giá bộ phận, điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần, điểm học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần được xác định như sau:

a) Đối với học phần lý thuyết hoặc có cả lý thuyết, thực hành môn học, thí nghiệm, thảo luận: Điểm học phần được tính bằng 30% điểm quá trình cộng với 70% điểm thi kết thúc học phần;

b) Đối với học phần thực hành, thực tập: Điểm học phần là điểm trung bình của các điểm đánh giá bộ phận.

3. Điểm học phần được chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Loại đạt: A (8,5 - 10)	Giỏi
B (7,0 - 8,4)	Khá
C (5,5 - 6,9)	Trung bình
D (4,0 - 5,4)	Trung bình yếu
b) Loại không đạt: F (3,0 - 3,9)	Kém

6.2.3. Đối với học phần Thực tập cuối khóa, làm đề án hoặc khóa luận tốt nghiệp

1. Việc đánh giá mỗi đề án, khóa luận tốt nghiệp được quy định trong văn bản riêng do Hiệu trưởng ban hành.

2. Điểm của đề án, khóa luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm theo quy định tại Điều 22 của Quy chế đào tạo Đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 35/QĐ-ĐHVB, ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Bắc. Kết quả chấm đề án, khóa luận tốt nghiệp được công bố chậm nhất là 1 tuần, kể từ ngày nộp đề án, khóa luận tốt nghiệp. Điểm đề án, khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

3. Sinh viên có đề án, khóa luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại đề án, khóa luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của đề án, khóa luận tốt nghiệp.

7. Nội dung chương trình:

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương (40 tín chỉ)

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

STT/Mã số HP	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số T C	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức	Ghi chú
	7.1.1. Lý luận chính trị		11			
7PP301	1. Triết học Mác-Lê nin	LLCT	3	Khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; bản chất của nhận thức, thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức. Quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử...	3 (33, 24, 45, 90)	
7PP202	2. Kinh tế chính trị Mác-Lê nin	LLCT	2	Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về kinh tế hàng hóa, tiền tệ; sự ra đời, tồn tại và các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa tư bản, những thành tựu và hạn chế của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.	2(21,18 ,30,60)	
7PP203	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT	2	Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về quá trình hình thành chủ nghĩa xã hội, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, những vấn đề về chính trị - xã hội thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	2(21,18 ,30,60)	

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

7PP204	4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	LLCT	2	Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam thể hiện trên các lĩnh vực khác nhau như kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội, đối ngoại	2(21,18,30,60)	
7PP205	5. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT	2	Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh nhằm tạo lập nền tảng xây dựng con người mới XHCN theo đường lối của ĐCS Việt Nam	2(21,18,30,60)	
7.1.2. Ngoại ngữ			19			
7FL406	1. Tiếng Anh 1	NN	4	Trang bị cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản bao gồm từ vựng, ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh làm nền tảng cho các học phần sau.	4(48,24,60,60,120)	
7FL407	2. Tiếng Anh 2	NN	4	Trang bị cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản bao gồm từ vựng, ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh làm nền tảng cho các học phần sau	4(48,24,60,60,120)	
7FL408	3. Tiếng Anh 3	NN	4	Trang bị cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản bao gồm từ vựng, ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh làm nền tảng cho các học phần sau.	4(48,24,60,60,120)	

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

7FL409	4. Tiếng Anh chuyên ngành 1	NN	4	Làm nền tảng cho việc học tập kiến thức tạo cho sinh viên những kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh chuyên ngành trong du lịch và khách sạn. Qua đó rèn luyện cho sinh viên thái độ tích cực, thường xuyên luyện tập tiếng Anh để tự tin giao tiếp, phục vụ cho công việc.	4(48,24,60,60,120)	
7FL310	5. Tiếng Anh chuyên ngành 2	NN	3		3(45,0,45,90)	
	7.1.3. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường		2			
7FS211	1. Tin học đại cương	CNTT	2	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về một số vấn đề truyền thông thông qua việc trình bày các văn bản và các tài liệu trình chiếu. Nó cũng giúp sinh viên tăng cường sự nhận thức về khả năng tổ chức, thống kê & tổng hợp dữ liệu của máy tính	2(26,8,30,60)	
	7.1.4. Khoa học xã hội và nhân văn		8			
7SH312	1. Cơ sở văn hóa Việt Nam	KHCB	3	Cung cấp những vấn đề cơ bản về sự hình thành và phát triển của văn hóa Việt Nam. Trong đó gồm 5 chương, nhấn mạnh đến tổ chức đời sống tập thể và cá nhân, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội.	3(36,18,45,90)	

7SH213	2. Các dân tộc Việt Nam	KHCB	2	Giới thiệu về bức tranh tộc người ở Việt Nam, đi sâu vào các đặc trưng văn hóa tộc người của người Việt - tộc người chủ thể và giới thiệu khái quát về các dân tộc khác theo từng khu vực.	2(26,8, 30,60)	
7SH314	3. Lịch sử văn minh thế giới	KHCB	3	Cung cấp những kiến về quá trình hình thành, phát triển của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử nhân loại,	2(26,8, 30,60)	
7.1.5. Giáo dục thể chất		GSTC&QP	3	Sinh viên phải xác định được ý nghĩa, tác dụng của môn Giáo dục thể chất đối với con người. Trình bày được những kiến thức cơ bản và phương pháp tập luyện của một số môn thể thao được quy định trong trương trình, trên cơ sở đó tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân để học tập và công tác tốt.		
7.1.6. Giáo dục quốc phòng-an ninh		GSTC&QP	11	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về những kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.		

7.2. Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp (85 tín chỉ)

STT/Mã số HP	Học phần	Khoa/ Bộ môn thực hiện	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức	Ghi chú
	7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành		13			
7TR315	1. Tổng quan Du lịch	QTLH	3	Trang bị cho người học những thuật ngữ, khái niệm, phạm trù và triết lý cơ bản của du lịch học, tạo tiền đề cho người học nghiên cứu các học phần chuyên ngành tiếp theo.	3(36,18, 45,90)	
7TR316	2. Quản lý Nhà nước về du lịch	KTH	3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Nhà nước và quản lý Nhà nước về du lịch như quan điểm, đường lối của Đảng và nhà nước về phát triển du lịch, chiến lược phát triển du lịch, nội dung quản lý nhà nước về du lịch, luật Du lịch, luật Di sản và thực tiễn quản lý nhà nước về du lịch ở địa phương.	3(36,18, 45,90)	
7TR317	3. Văn hóa du lịch	KHCB	3	Trang bị kiến thức liên ngành khoa học (văn hóa, lịch sử, địa lý, giao tiếp ứng xử...) - những thành tố cơ bản hợp thành đặc trưng của văn hóa du lịch.	3(36,18, 45,90)	

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

7TR218	4. Pháp luật trong kinh doanh du lịch	KHCB	2	Cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về quản lý và kinh doanh nói chung, đặc biệt là quản lý và kinh doanh ngành du lịch khách sạn. Học phần cũng trang bị cho sinh viên những kiến thức về các chế độ pháp lý trong quản trị và kinh doanh du lịch.	2(26,8,30,60)	
7TR219	5. Địa lý du lịch	QTLH	2	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về: Du lịch và kinh tế du lịch, Các tài nguyên du lịch tiêu biểu ở 7 châu lục, 22 khu vực và các thực thể địa chính trị (Geopolitical Entities) tiêu biểu trên thế giới...	2(26,8,30,60)	
STT/Mã số HP	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức	Ghi chú
	7.2.2. Kiến thức ngành		21			
7TR320	1. Tuyển điểm du lịch Việt Nam	QTLH	3	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tài nguyên du lịch, kết cấu hạ tầng, kinh tế xã hội, văn hoá, lịch sử, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, một số chương trình du lịch của các tuyến điểm du lịch Việt Nam.	3(36,18,45,90)	

7TR321	2. Quản trị kinh doanh lữ hành	QTLH	3	Cung cấp kiến thức chuyên về nội dung của công tác quản trị kinh doanh doanh nghiệp/đại lý/công ty lữ hành, bao gồm như: Khái quát về nguồn gốc, lịch sử phát triển kinh doanh lữ hành, nội dung cơ bản của Kinh doanh lữ hành, Cơ cấu tổ chức và quản trị nguồn nhân lực của doanh nghiệp lữ hành, quan hệ giữa nhà cung cấp với doanh nghiệp lữ hành, tổ chức kinh doanh của đại lý lữ hành, xây dựng chương trình du lịch...	3(36,18, 45,90)
7TR322	3. Quản trị kinh doanh khách sạn	QTNH KS	3	Cung cấp kiến thức chuyên về nội dung của công tác quản trị kinh doanh doanh nghiệp/đại lý/công ty lữ hành, bao gồm: Tổng quan về kinh doanh khách sạn; Cơ sở vật chất kỹ thuật và quy trình đầu tư xây dựng khách sạn; Tổ chức bộ máy và quản trị nguồn nhân lực của khách sạn; Tổ chức kinh doanh lưu trú của khách sạn; Tổ chức kinh doanh ăn uống của khách sạn;	3(36,18, 45,90)
7TR323	4. Quản trị sự kiện du lịch	QTLH	3	Cung cấp kiến thức tổng quan về tổ chức sự kiện (định nghĩa sự kiện, cách phân loại sự kiện, cách lập kế hoạch tổ chức sự kiện, quy trình tổ chức sự kiện, tìm hiểu một số sự kiện thực tế nổi bật, công nghệ ứng dụng trong sự kiện, cách xử lý tình huống...).	3(36,18, 45,90)

7TR324	5. Quản trị nhân lực trong du lịch	QTLH	3	Cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản nhất về: vai trò, chức năng quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức/doanh nghiệp du lịch; phân tích công việc và định mức lao động; lập kế hoạch nguồn nhân lực; xây dựng chính sách và tổ chức tuyển dụng; đào tạo & phát triển nhân viên, đánh giá thành tích công tác của nhân viên; xây dựng chính sách và thực hành các hình thức trả lương bổng và đãi ngộ đối với lao động.	3(36,18, 45,90)
7TR325	6. Marketing du lịch	QTLH	3	Trang bị những kiến thức cơ bản về marketing, marketing du lịch và khách sạn như: Thị trường du lịch, khách sạn; nghiên cứu thị trường du lịch, khách sạn; hiểu biết về hành vi người tiêu dùng sản phẩm-dịch vụ du lịch và khách sạn; chiến lược marketing trong doanh nghiệp du lịch, khách sạn; marketing-mix và tổ chức bộ phận marketing trong doanh nghiệp du lịch, khách sạn	3(36,18, 45,90)
7TR326	7. Tâm lý khách du lịch	KHCB	3	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tâm lý học, một số quá trình và thuộc tính tâm lý tiêu biểu. Nhận biết nhu cầu, sở thích, tâm trạng, thái độ, đặc điểm tâm lý, tính cách của người tiêu dùng du lịch, đồng thời nắm rõ và giải thích các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý khách du lịch.	3(36,18, 45,90)

	7.2.3. Kiến thức chuyên ngành		37			
	<i>7.2.3.1. Kiến thức bắt buộc</i>		29			
7TR327	1. Kỹ năng giao tiếp trong du lịch	KHCB	3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức thuộc về lý luận cơ bản trong giao tiếp, phân tích mối quan hệ giữa người phục vụ và người tiêu dùng du lịch, giữa người tiêu dùng du lịch và cộng đồng dân cư địa phương, tìm hiểu một số hoạt động giao tiếp khác trong du lịch như: lễ nghi xã giao, nghệ thuật xã giao trong đàm phán, nghệ thuật xã giao trong các cuộc họp cũng như vấn đề đạo đức nghề nghiệp	3(36,18, 45,90)	
7TR328	2. Nghiệp vụ lễ tân khách sạn		3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành, nghiệp vụ cơ bản của bộ phận lễ tân khách sạn bao gồm: vị trí, vai trò chức năng, nhiệm vụ của bộ phận lễ tân; các chức danh trong bộ phận lễ tân, mối quan hệ giữa các bộ phận và các công việc phải làm của bộ phận lễ tân từ lúc khách đặt phòng cho đến khi khách đến nhận phòng, lưu trú tại khách sạn và trả phòng, dự báo công suất phòng, giải quyết phàn nàn của khách cũng như đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của bộ phận lễ tân	3(36,18, 45,90)	

7TR329	3. Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	QTLH	3	Giới thiệu những vấn đề khái quát về hướng dẫn du lịch và hướng dẫn viên du lịch; những phẩm chất, năng lực cần có và trách nhiệm của hướng dẫn viên du lịch; các vấn đề chuẩn bị cho một tour du lịch cụ thể; tổ chức đón tiếp, ăn và lưu trú cho khách du lịch; các vấn đề liên quan đến vận chuyển và hải quan; kỹ năng hướng dẫn tham quan, kỹ năng lãnh đạo đoàn; xử lý tình huống trong hoạt động du lịch; kết thúc tour; hướng dẫn viên và các vấn đề liên quan đến du lịch bền vững và giao tiếp đa văn hóa.	3(36,18, 45,90)
7TR230	4. Nghiệp vụ buồng phòng khách sạn	QTNH KS	2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành, nghiệp vụ cơ bản của bộ phận buồng phòng trong khách sạn. Bên cạnh đó là những kiến thức và kỹ năng cần thiết để sinh viên hiểu rõ những vấn đề liên quan đến hoạt động và quản lý bộ phận buồng trong kinh doanh khách sạn.	2(26,8,3 0,60)
7TR331	5. Nghiệp vụ nhà hàng	QTNH KS	3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành, nghiệp vụ cơ bản dành cho nhân viên phục vụ trong nhà hàng, khách sạn hoặc trong cơ sở tương tự, với trách nhiệm sắp xếp nhà hàng, phục vụ các món ăn và đồ uống trong nhà hàng, khách sạn, phòng họp, theo các kiểu gọi theo món hoặc ăn tự chọn...	3(36,18, 45,90)

7TR232	6. Kỹ năng hoạt náo teambuilding trong du lịch	QTLH	2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung trong hoạt động tổ chức hoạt náo và teambuilding cũng như các kỹ năng tổ chức hoạt náo và hoạt động teambuilding trong du lịch; một số teambuilding games ứng dụng trong du lịch	2(26,8,3 0,60)
7TR333	7. Nghiệp vụ điều hành tour	QTLH	3	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tổ chức và hoạt động của công ty du lịch; Những kiến thức và kỹ năng về thiết kế và tổ chức tour du lịch, phương pháp định giá tour, hoạt động marketing và bán tour du lịch...nhằm giúp sinh viên có được kiến thức và kỹ năng trong xây dựng, thực hiện và quản lý các tour du lịch	3(36,18, 45,90)
7TR234	8. Nghiệp vụ sale bán tuor	QTLH	2	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy trình và kỹ năng chào bán tour du lịch, công tác định giá tour du lịch, công việc tổ chức xúc tiến bán chương trình du lịch. Bên cạnh đó học phần cũng trang bị cho sinh viên cách nhìn tổng quan về chất lượng tour du lịch và một số chỉ tiêu đánh giá chất lượng tour du lịch.	2(26,8,3 0,60)
7TR235	9. Xúc tiến du lịch	QTLH	2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức như: Giới thiệu về khái niệm xúc tiến du lịch; Bản chất của hoạt động xúc tiến; Các công cụ xúc tiến cơ bản; Tiến trình	2(26,8,3 0,60)

				xây dựng và quản lý kế hoạch xúc tiến cho doanh nghiệp và sản phẩm du lịch đặc biệt; Tiến trình xây dựng và quản lý kế hoạch quảng cáo cũng như các hình thức quảng cáo cơ bản; Hình thành và thiết kế thông điệp du lịch.		
7TR336	10. Kiến tập nhận thức ngành, nghề du lịch	QTLH &QTN HKS	3	Thông qua quá trình kiến thực tập tại các khách sạn, sinh viên không những quan sát mà còn được làm việc thực tế cùng các chuyên gia, và học hỏi và lắng nghe những chia sẻ và kinh nghiệm xử lý các tình huống thực tế trong ngành công nghiệp du lịch. Học phần này sẽ rèn luyện, tổng hợp và phát triển những năng lực (competencies), kỹ năng (skills), và thái độ (attitudes) đã được thực hiện trong toàn bộ các modules đã học.	3(0, 90, 90, 180)	
7TR337	11. Kiến thực tập nghiệp vụ thiết kế, điều hành, hướng dẫn, marketing và bán sản phẩm du lịch	QTLH &QTN HKS	3	Thông qua quá trình kiến thực tập tại các khách sạn, sinh viên không những quan sát mà còn được làm việc thực tế cùng các chuyên gia, và học hỏi và lắng nghe những chia sẻ và kinh nghiệm xử lý các tình huống thực tế trong ngành công nghiệp khách sạn.	3(0, 90, 90, 180)	

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

	7.2.2.2. Kiến thức tự chọn		8/16			
7TR238	1. Văn hóa ẩm thực	KHCB	2	Cung cấp những kiến thức cơ bản về ẩm thực Việt Nam cũng như ẩm thực thế giới, ẩm thực và văn hóa ẩm thực vùng miền	2(26,8,30,60)	
7TR239	2. Du lịch sinh thái	QTLH	2	Trang bị những nội dung cơ bản nhất của du lịch sinh thái, đó là: xu hướng phát triển của du lịch và lịch sử phát triển của du lịch sinh thái; các khái niệm cơ bản liên quan tới du lịch sinh thái; vai trò của du lịch sinh thái đối với phát triển bền vững; các tính chất cơ bản của du lịch sinh thái; vai trò của các tổ chức cá nhân đối với du lịch sinh thái; mô hình marketing định hướng cung trong kinh doanh du lịch sinh thái .	2(26,8,30,60)	
7TR240	3. Văn hóa và đạo đức kinh doanh	KHCB	2	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về đạo đức kinh doanh (các chuẩn mực đạo đức kinh doanh, xây dựng đạo đức kinh doanh) và văn hóa doanh nghiệp	2(26,8,30,60)	
7TR241	4. Thanh toán quốc tế trong du lịch	KTH	2	Bao gồm các nội dung cơ bản như: tỷ giá hối đoái và sự ảnh hưởng của nó đến du lịch; cách chuyển đổi tỷ giá trong du lịch; những lý luận cơ bản về phương thức thanh toán quốc tế nói chung và sự vận dụng của chúng trong du lịch; những lý luận cơ bản về các phương tiện thanh toán quốc tế; bản chất và quy trình kỹ thuật trong thanh toán	2(26,8,30,60)	

7TR242	5. Di tích lịch sử văn hóa Việt Nam	KHCB	2	Cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về hệ thống di tích lịch sử - văn hóa Việt Nam để sinh viên từng bước giải mã văn hóa đem đến cho du khách những hiểu biết sâu sắc về lịch sử, văn hóa Việt Nam. Đồng thời, học phần cung cấp thêm cách nhìn nhận, đánh giá để hoạch định chính sách phát triển du lịch cho tương xứng với tiềm năng to lớn của du lịch nước nhà.	2(26,8, 30,60)	
7TR243	6. Quản trị an ninh an toàn trong kinh doanh lưu trú	QTLH	2	Trang bị cho học sinh các kiến thức hiểu biết về: Tầm quan trọng của công tác an toàn an ninh, Thực hiện các quy định về an toàn an ninh.	2(26,8, 30,60)	
7TR244	7. Nghiệp vụ pha chế	QTNH KS	2	Trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng quan trọng về vai trò nhiệm vụ của người pha chế thức uống chuyên nghiệp, nguồn gốc của thức uống, nhiều khía cạnh của các loại thức uống không cồn, các loại bia, rượu mạnh như whisky, vodka, tequila, rum, brandy, gin và các loại rượu mùi...	2(26,8, 30,60)	

7TR245	8. Du lịch điện tử	QTLH	2	Cung cấp những kiến thức nền tảng khai thác công nghệ thông tin trong lĩnh vực kinh doanh du lịch. Học phần này cũng cung cấp cách tiếp cận hệ thống từ góc độ doanh nghiệp về tư duy cho các nhà quản lý cách thức khai thác công nghệ thông tin một cách hiệu quả, sáng tạo để tạo ra lợi thế cạnh tranh trong môi trường kinh doanh cạnh tranh mang tính toàn cầu hiện nay.	2(26,8, 30,60)
CÁC HỌC THỰC TẬP, KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP (14 tín chỉ)					
7.2.3. Kiến thức tốt nghiệp			14		
7TR46	1. Thực tập tốt nghiệp		6	Sinh viên củng cố thêm về nhận thức lý luận và tiếp cận với thực tiễn hoạt động tại các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ du lịch như các công ty kinh doanh lữ hành, các khách sạn, nhà hàng...	6(0, 180, 180, 360)
7TR647	2. Khóa luận tốt nghiệp		8	Sinh viên tiếp cận, tìm hiểu thực tế và vận dụng lý thuyết về du lịch và quản trị du lịch đã học vào công tác thực tiễn tại đơn vị nhằm rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, hoặc làm rõ một vấn đề cụ thể về quản trị doanh nghiệp và quản trị du lịch thông qua thực tiễn của đơn vị sinh viên thực tập	8(0, 240, 240, 480)

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

	<i>Học phân thay thế KLTN</i>		8		
7TR348	1. Kinh tế du lịch	KTH	3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về kinh tế du lịch, sinh viên có thể nhận diện, đọc hiểu, phân tích được các tác động của du lịch đến đời sống kinh tế xã hội.	3(36,18,45,90)
7TR349	2. Quản trị khách sạn nhỏ	QLNH KS	3	Phân tích các vai trò và chức năng của người quản lý khách sạn nhỏ; làm rõ các kỹ năng quan trọng trong việc quản lý các bộ phận nghiệp vụ chuyên sâu trong các doanh nghiệp khách sạn nhỏ như: Quản trị bộ phận phục vụ buồng, Quản trị bộ phận tiền sảnh và lễ tân, Quản trị bộ phận nhà hàng, quản lý bộ phận kế toán...	3(36,18,45,90)
7TR250	3. Quản trị dịch vụ vận chuyển	QTLH	2	Bao gồm: Những khái niệm cơ bản về dịch vụ vận chuyển, dịch vụ vận chuyển du lịch, kinh doanh dịch vụ vận chuyển du lịch, các loại hình vận chuyển, chủ sở hữu đối với phương tiện vận chuyển; Hiệu suất kinh doanh kinh doanh; Các dịch vụ và tiện nghi trong kinh doanh dịch vụ vận chuyển, chất lượng dịch vụ vận chuyển tàu bay, tàu thủy, tàu hỏa, ô tô ...	2(26,8,30,60)

8. Kế hoạch giảng dạy

TT	Mã môn	Tên môn học / học phần	Số TC	Kế hoạch giảng dạy / học kỳ									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
1.1		Kiến thức giáo dục đại cương	40										
1.1.1		Lý luận chính trị	11										
1	7PP301	Triết học Mác-Lê nin	3	3									
2	7PP202	Kinh tế chính trị Mác-Lê nin	2		2								
3	7PP203	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			2							
4	7PP204	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2				2						
5	7PP205	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					2					
1.1.2		Ngoại ngữ	19										
6	7FL406	Tiếng Anh 1	4	4									
7	7FL407	Tiếng Anh 2	4		4								
8	7FL408	Tiếng Anh 3	4			4							
9	7FL409	Tiếng Anh chuyên ngành 1	4				4						
10	7FL310	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3					3					
1.1.3		Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường	2										
11	7FS211	Tin học đại cương	2	2									
1.1.4		Khoa học xã hội và nhân văn	8										
12	7SH312	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	3									
13	7SH213	Các dân tộc Việt Nam	2		2								
14	7SH314	Lịch sử văn minh thế giới	3			3							
1.1.5	Giáo dục thể chất: Cấp chứng chỉ			2	1								

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

1.1.6	<i>Giáo dục quốc phòng - an ninh: Cấp chứng chỉ</i>						11			
2.2		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	85							
2.2.1		<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>	13							
15	7TR315	Tổng quan Du lịch	3	3						
16	7TR316	Quản lý Nhà nước về du lịch	3		3					
17	7TR317	Văn hóa du lịch	3		3					
18	7TR218	Pháp luật trong kinh doanh du lịch	2			2				
19	7TR219	Địa lý du lịch	2				2			
2.2.2		<i>Kiến thức ngành</i>	21							
20	7TR320	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	3			3				
21	7TR321	Quản trị kinh doanh lữ hành	3				3			
22	7TR322	Quản trị kinh doanh khách sạn	3					3		
23	7TR323	Quản trị sự kiện du lịch	3						3	
24	7TR324	Quản trị nhân lực trong du lịch	3						3	
25	7TR325	Marketing du lịch	3				3			
26	7TR326	Tâm lý khách du lịch	3					3		
2.2.2		<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	37							
2.2.2.1		<i>Kiến thức bắt buộc</i>	29							
27	7TR327	Kỹ năng giao tiếp trong du lịch	3				3			
28	7TR328	Nghiệp vụ lễ tân khách sạn	3					3		
29	7TR329	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3						3	
30	7TR230	Nghiệp vụ buồng phòng khách sạn	2						2	

ĐẠI HỌC VIỆT BẮC - Đề án mở ngành DU LỊCH

31	7TR331	Nghiệp vụ nhà hàng	3					3	
32	7TR232	Kỹ năng hoạt náo teambuilding trong du lịch	2					2	
33	7TR333	Nghiệp vụ điều hành tour	3					3	
34	7TR234	Nghiệp vụ sale bán tuor	2					2	
35	7TR235	Xúc tiến du lịch	2					2	
36	7TR336	Kiến tập nhận thức ngành, nghề du lịch	3					3	
37	7TR337	Kiến thực tập nghiệp vụ thiết kế, điều hành, hướng dẫn, marketing và bán sản phẩm du lịch	3					3	
2.2.2.2		<i>Kiến thức tự chọn</i>	8/16						
38	7TR238	Văn hóa ẩm thực	2		2				
39	7TR239	Du lịch sinh thái	2		2				
40	7TR240	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	2				2		
41	7TR241	Thanh toán quốc tế trong du lịch	2				2		
	7TR242	Di tích lịch sử văn hóa Việt Nam	2					2	
43	7TR243	Quản trị an ninh an toàn trong kinh doanh lưu trú	2					2	
44	7TR244	Nghiệp vụ pha chế	2					2	
45	7TR245	Du lịch điện tử	2					2	
2.2.3		Kiến thức tốt nghiệp	14						
2.2.3.1		Thực tập tốt nghiệp	6						
46	7TR646	Thực tập tốt nghiệp	6						6
2.2.3.2		Tốt nghiệp (chọn 1 trong 2 hình thức)	8						
47	7TR847	Khóa luận tốt nghiệp	8						8

		<i>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>	8							
48	7TR348	Kinh tế du lịch	3							3
49	7TR349	Quản trị khách sạn nhỏ	3							3
50	7TR250	Quản trị dịch vụ vận chuyển	2							2
Tổng cộng			125	15	14	16	17	16	17	16

9. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**9.1. Kiến thức giáo dục đại cương****1. Triết học Mác- Lênin (3 tín chỉ)**

- *Phân bố thời gian học tập*: 3 (33, 24, 45, 90)

- *Học phần học trước*: Không

- *Tóm tắt nội dung học phần*: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.

- *Hoạt động giảng dạy* : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- *Phương pháp đánh giá học phần*: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2 tín chỉ)

- *Phân bố thời gian học tập*: 2(21,18,30,60)

- *Học phần học trước*: Triết học Mác- Lênin

- *Tóm tắt nội dung học phần*:

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin bao gồm các nội dung sau:

- Khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin; đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin.

- Sự ra đời phát triển của sản xuất hàng hóa; nguồn gốc, bản chất và chức năng cơ bản của tiền; dịch vụ và các hàng hóa đặc biệt; thị trường và các chủ thể tham gia thị trường.

- Sự sản xuất giá trị thặng dư là cơ sở tồn tại và phát triển của chủ nghĩa tư bản; sự tích lũy tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư.

- Lý luận của Lênin về cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; vấn đề độc quyền và độc quyền nhà nước.

- Tính tất yếu khách quan và đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay; vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam hiện nay.

- Công nghiệp hóa – hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và sự phát triển của khoa học công nghệ hiện nay.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHVNB trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 2(21,18,30,60)

- **Học phần học trước**: Triết học Mác- Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin

- **Tóm tắt nội dung học phần**:

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học bao gồm các nội dung sau:

- Vị trí học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học; phạm vi và đối tượng nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học; chức năng và ý nghĩa học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa, Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên thế giới và ở Việt Nam.

- Khái niệm giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của nó. Nội dung và điều kiện khách quan qui định sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân. Vai trò của Đảng

cộng sản trong việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam.

- Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Cải cách nhà nước trong quá trình đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay.

- Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Tính tất yếu của liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nội dung của liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Dân tộc và hai xu hướng khách quan của phong trào dân tộc. Nội dung Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin. Vấn đề dân tộc ở Việt Nam và chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

- Bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo. Vấn đề tôn giáo trong xã hội xã hội chủ nghĩa. Vấn đề tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

- Gia đình, mối quan hệ gia đình và xã hội. Những điều kiện và tiền đề xây dựng gia đình trong chủ nghĩa xã hội.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 2(21,18,30,60)

- **Học phần học trước**: Triết học Mác- Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học

- **Tóm tắt nội dung học phần**:

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức bao gồm trong nội dung 8 chương: Chương I: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; chương II: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); chương III: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); chương IV: Đường lối công nghiệp hoá; chương V: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; chương VI: Đường lối xây

dựng hệ thống chính trị; chương VII: Đường lối xây dựng văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội; chương VIII: Đường lối đối ngoại.

Nội dung chủ yếu của học phần là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 2(21,18,30,60)

- **Học phần học trước**: Triết học Mác- Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

- **Tóm tắt nội dung học phần**:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nội dung gồm 7 chương: chương I, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương II đến chương VII trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

6. Tiếng Anh 1 (4 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 4(48,24,60,60, 120)

- **Học phần học trước** : Không có

- **Tóm tắt nội dung học phần**:

Môn học phần Tiếng Anh cơ bản 1 gồm các bài từ bài 1 đến bài 6 giáo trình New Headway Elementary, Third Edition 2006 với các chủ đề: chào hỏi, công việc, giải trí thư giãn, nhà ở, khả năng, quá khứ và hiện tại. Về ngữ pháp thì có: đại từ nhân xưng, câu hỏi, tính từ sở hữu, danh từ số ít, số nhiều, đại từ chỉ định, danh từ đếm được và không đếm được, trợ động từ can/can't, mẫu câu there is, there are, thì quá khứ đơn.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

7. Tiếng Anh 2 (4 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 4(48,24,60,60, 120)

- **Học phần học trước** : Tiếng Anh cơ bản 1

- **Tóm tắt nội dung học phần**:

Học phần tiếng Anh cơ bản 2 bao gồm các bài từ bài 7 đến bài 14 giáo trình New Headway Elementary, Third Edition 2006 với các chủ đề: quá khứ, ăn uống, so sánh, ngoại hình, khám phá, cảm xúc, kinh nghiệm. Về ngữ pháp thì có: thì quá khứ đơn giản, trạng ngữ chỉ thời gian, danh từ đếm được và không đếm được, các cấp so sánh, thì hiện tại tiếp diễn, đại từ sở hữu, thì tương lai với going to, cấu trúc câu hỏi, tính từ và trạng từ, thì hiện tại hoàn thành. Cùng với các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các ngữ cảnh và tình huống tương ứng.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

8. Tiếng Anh 3 (4 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 4(48,24,60,60, 120)

- **Học phần học trước :** Tiếng Anh cơ bản 2

- **Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần bao gồm bài 1 đến bài 6 giáo trình New Headway Pre-intermediate, Third Edition 2006, với các chủ đề: làm quen, cách sống, mua sắm, tương lai, so sánh, miêu tả, người nổi tiếng. Về ngữ pháp thì có các câu hỏi, thì quá khứ, quá khứ tiếp diễn, từ chỉ số lượng, cấu trúc động từ, tương lai, các cấp so sánh, quá khứ và hiện tại hoàn thành, ôn tập các thì động từ. Cùng với các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong các ngữ cảnh và tình huống tương ứng.

- **Hoạt động giảng dạy:** Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần :** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

9. Tiếng Anh 4, 5 (4 ; 3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 4(48,24,60,60, 120) và 3(45,0,45,90)

- **Học phần học trước :** Tiếng Anh cơ bản 1,2,3

- **Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần ngoại ngữ 4,5, là phần Tiếng Anh chuyên ngành du lịch, khách sạn được thiết kế bao gồm các chủ đề như sau: Đặt phòng; Tiếp đãi; Dịch vụ hành lý; Dịch vụ phòng ở cho khách; Âm thực; Thu ngân trong khách sạn; Xử lý ý kiến đóng góp của khách hàng; Điện thoại. Thông qua các nội dung đó sẽ trang bị cho sinh viên các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng của chuyên ngành làm cơ sở cho sinh viên có thể sử dụng các sách ngoại ngữ chuyên ngành và làm việc trong môi trường quốc tế về du lịch, dịch vụ, khách sạn và nhà hàng.

- **Hoạt động giảng dạy:** Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần :** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

10. Tin học đại cương (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 2(26,8,30,60)

- **Học phần học trước :** Không

- **Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần này giới thiệu phần mềm máy tính Microsoft Word, Microsoft PowerPoint & Microsoft Excel. Sinh viên sẽ được rèn luyện để hoàn thiện kỹ năng và biến chúng thành các công cụ hữu ích hỗ trợ hiệu quả cho việc học tập tất cả các học phần khác cũng như cho việc đi làm sau này.

- **Hoạt động giảng dạy :** Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần :** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Trắc nghiệm và thực hành trên máy tính

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

11. Cơ sở văn hóa Việt Nam (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước :** Không

- **Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần cung cấp sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa, đặc trưng văn hóa. Nhận diện được các vùng văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam; tiến trình lịch sử của văn hóa; các thành tố văn hóa; văn hóa giao tiếp ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Tìm hiểu sự giao lưu ảnh hưởng của văn hóa Việt Nam với văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ và văn hóa phương Tây.

- **Hoạt động giảng dạy :** Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

12. Các dân tộc Việt Nam (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 2(26,8,30,60)

- **Học phần học trước :** Không

- **Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần. tập trung giới thiệu về bức tranh tộc người ở Việt Nam, đi sâu vào các đặc trưng văn hóa tộc người của người Việt - tộc người chủ thể và giới thiệu khái quát về các dân tộc khác theo từng khu vực.

- **Hoạt động giảng dạy :** Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

13. Lịch sử văn minh thế giới (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước :** Không

- **Tóm tắt nội dung học phần**

Lịch sử văn minh thế giới là học phần đại cương cung cấp những kiến thức cơ bản và hệ thống về quá trình hình thành, phát triển của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử nhân loại, bao gồm: Điều kiện hình thành, tiến trình phát triển của các nền văn minh, những học thuyết chính trị, quan điểm triết học và các tôn giáo lớn cùng những thành tựu khoa học tự nhiên, kỹ thuật, văn học, sử học, nghệ thuật... của những nền văn minh thời cổ trung đại ở phương Đông (Ai Cập, Trung Hoa, Ấn Độ) và phương Tây (Hy Lạp, La Mã, các nước Tây Âu).

- **Hoạt động giảng dạy :** Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

9.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

9.2.1. Kiến thức cơ sở ngành

1. Tổng quan du lịch (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước :** Không

- **Tóm tắt nội dung học phần:**

Là học phần chuyên ngành đầu tiên, Tổng quan du lịch giới thiệu một cách khái quát nhất cho người học những khái niệm cơ bản trong ngành du lịch, cung cấp những thông tin chính về du lịch như một hiện tượng xã hội và như một ngành kinh tế với bốn thành phần chính là khách du lịch, nhà cung ứng, cộng đồng địa phương và cơ quan quản lý.

- **Hoạt động giảng dạy :** Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

2. Quản lý nhà nước về du lịch (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước :** Không

- **Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Nhà nước và quản lý Nhà nước về du lịch như: quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về phát triển du lịch, chiến lược – định hướng phát triển du lịch, các nội dung quản lý Nhà nước về du lịch, luật Du lịch, luật Di sản và thực tiễn quản lý nhà nước về du lịch ở địa phương.

- **Hoạt động giảng dạy :** Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường

DHVB trong đó có các điểm bộ phận như sau:

- a) Điểm học phần được xác định:
 - Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).
 - Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)
- b) Hình thức thi: Tự luận.
- c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

3. Văn hóa du lịch (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 3(36,18,45,90)
- **Học phần học trước :** Không
- **Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần giúp cho SV có những kiến thức cơ bản về văn hóa du lịch. Vai trò của văn hóa trong hoạt động du lịch, phát triển du lịch. Học phần góp phần bổ sung một số vấn đề lí thuyết du lịch học, những kiến thức về văn hóa ứng xử trong hoạt động du lịch.

- **Hoạt động giảng dạy :** Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.
- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường

DHVB trong đó có các điểm bộ phận như sau:

- a) Điểm học phần được xác định:
 - Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).
 - Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)
- b) Hình thức thi: Tự luận.
- c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

4. Pháp luật trong kinh doanh du lịch (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 2(26,8,30,60)
- **Học phần học trước :** Tổng quan về du lịch
- **Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần cũng trang bị cho sinh viên những kiến thức về các chế độ pháp lý trong quản trị và kinh doanh du lịch như quy chế pháp lý về thành lập, tổ chức hoạt động và quản lý các loại hình doanh nghiệp kinh doanh du lịch khách sạn ; quy chế pháp lý về sử dụng lao động trong kinh doanh du lịch ; chế độ pháp lý về giao kết và thực hiện các loại hợp đồng trong kinh doanh du lịch. Bên cạnh đó là những quy định của pháp luật về giải quyết các tranh chấp phát sinh trong quá trình hoạt động kinh

doanh du lịch do các cơ quan tài phán tiến hành giúp cho nhà quản lý, kinh doanh du lịch tự bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

24. Địa lý du lịch (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: : 2(26,8,30,60)

- **Học phần học trước** : Tổng quan về du lịch

- **Tóm tắt nội dung học phần**:

Học phần cung cấp các kiến thức về hệ thống phân vùng, phân vị trong du lịch, thực trạng và tiềm năng của du lịch Việt Nam; nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch; Tổ chức lãnh thổ du lịch và bảy vùng du lịch ở Việt Nam.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

9.2.2. Kiến thức ngành

1. Tuyển điểm du lịch Việt Nam (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước** : Tổng quan về du lịch

- **Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài nguyên du lịch, kết cấu hạ tầng, kinh tế xã hội, văn hoá, lịch sử, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ

du lịch, một số chương trình du lịch của các tuyến điểm du lịch Việt Nam. Từ đó giúp cho người học có khả năng vận dụng để: xây dựng các bài thuyết minh hướng dẫn du lịch và các chương trình du lịch Việt Nam; tham gia vào các hoạt động lễ hành quản lý tài nguyên; làm cơ sở cho học tập, nghiên cứu các học phần khác tốt hơn.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

2. Quản trị kinh doanh lễ hành (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước** : Tổng quan về du lịch, Tuyển điểm du lịch Việt Nam

- **Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung bao gồm như: Khái quát về nguồn gốc, lịch sử phát triển kinh doanh lễ hành, nội dung cơ bản của kinh doanh lễ hành, Cơ cấu tổ chức và quản trị nguồn nhân lực của doanh nghiệp lễ hành, quan hệ giữa nhà cung cấp với doanh nghiệp lễ hành, tổ chức kinh doanh của đại lý lễ hành, xây dựng chương trình du lịch, tổ chức xúc tiến hỗn hợp bán và thực hiện chương trình du lịch, hệ thống các chỉ tiêu đánh giá kinh doanh chương trình du lịch, môi trường kinh doanh và chiến lược, chính sách kinh doanh của doanh nghiệp lễ hành.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

3. Quản trị kinh doanh khách sạn (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước** : Tổng quan về du lịch, Tuyển điểm du lịch Việt Nam

- **Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần này cung cấp các kiến thức tổng quan về kinh doanh khách sạn; Cơ sở vật chất kỹ thuật và quy trình đầu tư xây dựng khách sạn; Tổ chức bộ máy và quản trị nguồn nhân lực của khách sạn; Tổ chức kinh doanh lưu trú của khách sạn; Tổ chức kinh doanh ăn uống của khách sạn; Sale và Marketing trong kinh doanh khách sạn; Tổ chức hoạt động bộ phận dịch vụ giải trí trong khách sạn; Nhân sự và đào tạo trong khách sạn; Quản trị chất lượng dịch vụ của khách sạn. Phân tích kết quả kinh doanh và tài chính của khách sạn.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

4. Quản trị sự kiện du lịch (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước** : Tổng quan về du lịch, Tuyển điểm du lịch Việt Nam

- **Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần cung cấp kiến thức tổng quan về tổ chức sự kiện (định nghĩa sự kiện, cách phân loại sự kiện, cách lập kế hoạch tổ chức sự kiện, quy trình tổ chức sự kiện, tìm hiểu một số sự kiện thực tế nổi bật, công nghệ ứng dụng trong sự kiện, cách xử lý tình huống...) để giúp cho sinh viên có thể lên kế hoạch và tổ chức một số sự kiện quy mô nhỏ.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ

bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

5. Quản trị nhân lực trong du lịch (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước :** Tổng quan về du lịch, Tuyển điểm du lịch Việt Nam

- **Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản nhất về: vai trò, chức năng quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức/doanh nghiệp du lịch; những ảnh hưởng, ràng buộc của pháp luật, công nghệ, môi trường cạnh tranh tới quản trị nguồn nhân lực trong du lịch; phân tích công việc và định mức lao động; lập kế hoạch nguồn nhân lực; xây dựng chính sách và tổ chức tuyển dụng; đào tạo & phát triển nhân viên, đánh giá thành tích công tác của nhân viên; xây dựng chính sách và thực hành các hình thức trả lương bổng và đãi ngộ đối với lao động trong doanh nghiệp du lịch.

- **Hoạt động giảng dạy :** Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

6. Marketing du lịch (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước :** Tổng quan về du lịch, Tuyển điểm du lịch Việt Nam

- **Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần này giới thiệu với học viên những kiến thức cơ bản về marketing, marketing du lịch và khách sạn như: Thị trường du lịch, khách sạn; nghiên cứu thị trường du lịch, khách sạn; hiểu biết về hành vi người tiêu dùng sản phẩm-dịch vụ du lịch và khách sạn; chiến lược marketing trong doanh nghiệp du lịch, khách sạn; marketing-mix và tổ chức bộ phận marketing trong doanh nghiệp du lịch, khách sạn.

- **Hoạt động giảng dạy :** Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

7. 4. Tâm lý khách du lịch (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước :** Không

- **Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tâm lý học, một số quá trình và thuộc tính tâm lý tiêu biểu. Nhận biết nhu cầu, sở thích, tâm trạng, thái độ, đặc điểm tâm lý, tính cách của người tiêu dùng du lịch, đồng thời nắm rõ và giải thích các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý khách du lịch nhằm đem lại hiệu quả trong hoạt động quản lý, kinh doanh du lịch cũng như trong hoạt động giao tiếp.

- **Hoạt động giảng dạy :** Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

9.2.3. Kiến thức chuyên ngành

9.2.3.1. Kiến thức bắt buộc

1. Kỹ năng giao tiếp trong du lịch (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước :** Tổng quan về du lịch

- **Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức thuộc về lý luận cơ bản trong giao tiếp, phân tích mối quan hệ giữa người phục vụ và người tiêu dùng du lịch, giữa người tiêu dùng du lịch và cộng đồng dân cư địa phương, tìm hiểu một số hoạt động giao tiếp khác trong du lịch như: lễ nghi xã giao, nghệ thuật xã giao trong đàm phán, nghệ thuật xã giao trong các cuộc họp cũng như vấn đề đạo đức nghề nghiệp và tuyển .

- **Hoạt động giảng dạy :** Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

- a) Điểm học phần được xác định:
 - Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).
 - Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)
- b) Hình thức thi: Tự luận.
- c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

2. Nghiệp vụ lễ tân khách sạn (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 3(36,18,45,90)
- **Học phần học trước :** Tổng quan về du lịch, Tuyển điểm du lịch Việt Nam
- **Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành, nghiệp vụ cơ bản của bộ phận lễ tân khách sạn bao gồm: vị trí, vai trò chức năng, nhiệm vụ của bộ phận lễ tân; các chức danh trong bộ phận lễ tân, mối quan hệ giữa các bộ phận và các công việc phải làm của bộ phận lễ tân từ lúc khách đặt phòng cho đến khi khách đến nhận phòng, lưu trú tại khách sạn và trả phòng, dự báo công suất phòng, giải quyết phàn nàn của khách cũng như đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của bộ phận lễ tân.

- **Hoạt động giảng dạy :** Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.
- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường

DHVB trong đó có các điểm bộ phận như sau:

- a) Điểm học phần được xác định:
 - Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).
 - Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)
- b) Hình thức thi: Tự luận.
- c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

3. Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 3(36,18,45,90)
- **Học phần học trước :** Tổng quan về du lịch, Tuyển điểm du lịch Việt Nam
- **Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần cung cấp hệ thống các kỹ năng nghiệp vụ cần phải có của một hướng dẫn viên du lịch, bao gồm các kỹ năng chuẩn bị trước chuyến đi, các nghiệp vụ phát sinh trong chuyến đi, các công việc hướng dẫn viên phải làm sau chuyến đi. Nếu xem học phần dưới góc độ xã hội thì đó là quá trình giao tiếp giữa người tham gia hoạt

động hướng dẫn du lịch với khách du lịch nhằm tạo môi trường thuận lợi cho khách du lịch có điều kiện để cảm nhận đầy đủ và sâu sắc giá trị của tài nguyên du lịch

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

4. Nghiệp vụ buồng phòng khách sạn (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập** : 2(26,8,30,60)

- **Học phần học trước** : Tổng quan về du lịch, Tuyển điểm du lịch Việt Nam

- **Tóm tắt nội dung học phần**:

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành, nghiệp vụ cơ bản của bộ phận buồng phòng trong khách sạn. Bên cạnh đó là những kiến thức và kỹ năng cần thiết để sinh viên hiểu rõ những vấn đề liên quan đến hoạt động và quản lý bộ phận buồng trong kinh doanh khách sạn.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

5. Nghiệp vụ nhà hàng (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước** : Tổng quan về du lịch, Tuyển điểm du lịch Việt Nam

- **Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành, nghiệp vụ cơ bản dành cho nhân viên phục vụ trong nhà hàng, khách sạn hoặc trong cơ sở tương tự, với trách nhiệm sắp xếp nhà hàng, phục vụ các món ăn và đồ uống trong nhà hàng,

khách sạn, phòng họp, theo các kiểu gọi theo món hoặc ăn tự chọn, và phục vụ tại phòng khách hoặc phục vụ hội nghị.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

6. Kỹ năng hoạt náo teambuilding trong du lịch (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: : 2(26,8,30,60)

- **Học phần học trước** : Tổng quan về du lịch, Tuyển điểm du lịch Việt Nam

- **Tóm tắt nội dung học phần**:

Kỹ năng hoạt náo và teambuilding trong du lịch nhằm giới thiệu, trang bị cho sinh viên những kiến thức chung trong hoạt động tổ chức hoạt náo và teambuilding cũng như các kỹ năng tổ chức hoạt náo và hoạt động teambuilding trong du lịch; một số teambuilding games ứng dụng trong du lịch.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

7. Nghiệp vụ điều hành tour (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 3(36,18,45,90)

- **Học phần học trước** : Tổng quan về du lịch, Tuyển điểm du lịch Việt Nam

- **Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tổ chức và hoạt động của công ty du lịch; Những kiến thức và kỹ năng về thiết kế và tổ chức tour du lịch, phương pháp định giá tour, hoạt động marketing và bán tour du lịch...nhằm giúp

sinh viên có được kiến thức và kỹ năng trong xây dựng, thực hiện và quản lý các tour du lịch.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

8. Nghiệp vụ sale bán tour(2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: : 2(26,8,30,60)

- **Học phần học trước** : Tổng quan về du lịch, Tuyển điểm du lịch Việt Nam

- **Tóm tắt nội dung học phần**:

Đây là học phần mang tính ứng dụng cao của chuyên ngành đào tạo Quản trị dịch vụ Du lịch. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy trình và kỹ năng chào bán tour du lịch, công tác định giá tour du lịch, công việc tổ chức xúc tiến bán chương trình du lịch. Bên cạnh đó học phần cũng trang bị cho sinh viên cách nhìn tổng quan về chất lượng tour du lịch và một số chỉ tiêu đánh giá chất lượng tour du lịch. Qua đó sinh viên có thể vận dụng kiến thức được trang bị vào thực tế hoạt động kinh doanh của các công ty du lịch, lữ hành.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

9. Xúc tiến du lịch (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: : 2(26,8,30,60)

- **Học phần học trước** : Tổng quan về du lịch, Tuyển điểm du lịch Việt Nam

- **Tóm tắt nội dung học phần**:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức như: Khái niệm xúc tiến du lịch; bản chất của hoạt động xúc tiến; Các công cụ xúc tiến cơ bản; Tiến trình xây dựng và quản lý kế hoạch xúc tiến cho doanh nghiệp và sản phẩm du lịch đặc biệt; Tiến trình xây dựng và quản lý kế hoạch quảng cáo cũng như các hình thức quảng cáo cơ bản; Hình thành và thiết kế thông điệp du lịch.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

10. Kiến tập nhận thức ngành, nghề quản trị du lịch (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập: 3(0, 90, 90, 180)**

- **Tóm tắt nội dung học phần:**

Trong thời gian thực tập, sinh viên sẽ tiến hành quan sát, hiểu và phân tích mối quan hệ giữa các bộ phận chức năng trên, tầm quan trọng của sự phối hợp nhịp nhàng, chia sẻ thông tin giữa các bộ phận đó tác động đến chất lượng dịch vụ, khả năng sẵn sàng đón tiếp và phục vụ khách, hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp lữ hành.

Đánh giá thực tập

Sinh viên tham gia kiến tập sẽ được đánh giá cho cả một quá trình với thang điểm 100. Cụ thể, kết quả thực tập của sinh viên sẽ được đánh giá dựa trên các nội dung sau đây:

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	TỶ TRỌNG
1.	Chuyên gia và giáo viên hướng dẫn đánh giá Thái độ, ý thức Kỹ năng thực hành các nghiệp vụ	60%
2.	GVHD đánh giá: Thái độ, ý thức Báo cáo thực tập	40%
	TỔNG CỘNG	100%

Phản đánh giá quá trình kiến tập và đánh giá báo cáo kiến tập

Cán bộ hướng dẫn tại cơ sở thực tập và giáo viên hướng dẫn sẽ tiến hành đánh giá quá trình thực tập của sinh viên theo tiêu chí và thang điểm chi tiết theo quy định tại mẫu phiếu chấm điểm được gửi kèm theo bản mô tả thực tập (phụ lục số 2,3). Lưu ý: Tất cả các mẫu phiếu đánh giá ở phụ lục 2, 3 sinh viên phải đóng kèm vào báo cáo bản chính khi nộp tại VP Khoa.

Giáo viên hướng dẫn là người duy nhất đánh giá và cho điểm phần báo cáo chuyên đề thực tập của sinh viên.

Báo cáo thực tập của sinh viên phải được thực hiện theo quy định về nội dung và hình thức do Trường Đại học Việt Bắc quy định và trên cơ sở sự hướng dẫn của giáo viên. Báo cáo được nộp cho giáo viên hướng dẫn sau khi kết thúc thời gian thực tập theo kế hoạch đã được phê duyệt.

11. Kiến thực tập nghiệp vụ thiết kế, điều hành, hướng dẫn, marketing và bán sản phẩm du lịch (3 tín chỉ)

- *Phân bố thời gian học tập: 3(0, 90, 90, 180)*

- *Tóm tắt nội dung học phần:*

Thông qua quá trình kiến thực tập tại các khách sạn, sinh viên không những quan sát mà còn được làm việc thực tế cùng các chuyên gia, và học hỏi và lắng nghe những chia sẻ và kinh nghiệm xử lý các tình huống thực tế trong ngành công nghiệp khách sạn. Học phần này sẽ rèn luyện, tổng hợp và phát triển những năng lực (competencies), kỹ năng (skills), và thái độ (attitudes) đã được thực hiện trong toàn bộ các modules đã học.

Đánh giá thực tập

Sinh viên tham gia kiến thực – Kiến thực tập nghiệp vụ lưu trú du lịch sẽ được đánh giá cho cả một quá trình với thang điểm 100. Cụ thể, kết quả thực tập của sinh viên sẽ được đánh giá dựa trên các nội dung sau đây:

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	TỶ TRỌNG
3.	Chuyên gia và giáo viên hướng dẫn đánh giá Thái độ, ý thức Kỹ năng thực hành các nghiệp vụ	60%
4.	GVHD đánh giá: Thái độ, ý thức Báo cáo thực tập	40%
	TỔNG CỘNG	100%

Phần đánh giá quá trình thực tập và đánh giá báo cáo thực tập

Cán bộ hướng dẫn tại cơ sở thực tập và giáo viên hướng dẫn sẽ tiến hành đánh giá quá trình thực tập của sinh viên theo tiêu chí và thang điểm chi tiết theo quy định tại mẫu phiếu chấm điểm được gửi kèm theo bản mô tả thực tập (phụ lục số 2,3). Lưu

ý: Tất cả các mẫu phiếu đánh giá ở phụ lục 2, 3 sinh viên phải đóng kèm vào báo cáo bản chính khi nộp tại VP Khoa.

Giáo viên hướng dẫn là người duy nhất đánh giá và cho điểm phần báo cáo chuyên đề thực tập của sinh viên.

Báo cáo thực tập của sinh viên phải được thực hiện theo quy định về nội dung và hình thức do Trường Đại học Việt Bắc quy định và trên cơ sở sự hướng dẫn của giáo viên. Báo cáo được nộp cho giáo viên hướng dẫn sau khi kết thúc thời gian thực tập theo kế hoạch đã được phê duyệt.

11.2.3.2. Kiến thức tự chọn

1. Văn hóa ẩm thực (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 2(26,8,30,60)

- **Học phần học trước :** Không

- **Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về ẩm thực Việt Nam cũng như ẩm thực thế giới, ẩm thực và văn hóa ẩm thực vùng miền. Học xong học phần này, cho phép sinh viên hiểu rõ hơn về văn hóa ẩm thực, sở thích và thói quen ăn uống của các vùng miền, của khách du lịch một số nước trên thế giới, cách phục vụ những đối tượng này.

- **Hoạt động giảng dạy :** Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

2. Du lịch sinh thái (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 2(26,8,30,60)

- **Học phần học trước :** Tổng quan về du lịch

- **Tóm tắt nội dung học phần:**

Môn học đề cập tới những nội dung cơ bản nhất của du lịch sinh thái, đó là: xu hướng phát triển của du lịch và lịch sử phát triển của du lịch sinh thái; các khái niệm cơ bản liên quan tới du lịch sinh thái; vai trò của du lịch sinh thái đối với phát triển bền vững; các tính chất cơ bản của du lịch sinh thái; vai trò của các tổ chức cá nhân

đối với du lịch sinh thái; mô hình marketing định hướng cung trong kinh doanh du lịch sinh thái và một số mô hình trong quản lý du lịch sinh thái..

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

3. Văn hóa và đạo đức kinh doanh (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 2(26,8,30,60)

- **Học phần học trước** : Không

- **Tóm tắt nội dung học phần**:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về đạo đức kinh doanh (các chuẩn mực đạo đức kinh doanh, và xây dựng đạo đức kinh doanh) và văn hóa doanh nghiệp (biểu hiện và các dạng văn hoá doanh nghiệp, nhân tố tạo lập văn hoá doanh nghiệp, xây dựng văn hoá doanh nghiệp và văn hoá trong các hoạt động kinh doanh).

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

4. Thanh toán quốc tế trong du lịch (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 2(26,8,30,60)

- **Học phần học trước** : Tổng quan về du lịch

- **Tóm tắt nội dung học phần**:

Học phần bao gồm các nội dung cơ bản như: tỷ giá hối đoái và sự ảnh hưởng của nó đến du lịch; cách chuyển đổi tỷ giá trong du lịch; những lý luận cơ bản về phương

thức thanh toán quốc tế nói chung và sự vận dụng của chúng trong du lịch; những lý luận cơ bản về các phương tiện thanh toán quốc tế; bản chất và quy trình kỹ thuật trong thanh toán đối với các phương tiện thanh toán thường được sử dụng trong du lịch.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

5. Di tích lịch sử văn hóa Việt Nam (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 2(26,8,30,60)

- **Học phần học trước** : Không

- **Tóm tắt nội dung học phần**:

Học phần gồm 5 chương: Những vấn đề chung, Loại hình di tích khảo cổ, Loại hình di tích kiến trúc nghệ thuật, Loại hình di tích lịch sử, Loại hình danh lam thắng cảnh.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

6. Quản trị an ninh an toàn trong kinh doanh lưu trú (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 2(26,8,30,60)

- **Học phần học trước** : Tổng quan về du lịch

- **Tóm tắt nội dung học phần**:

Học phần trang bị kiến thức hiểu biết về nghề nghiệp và rèn luyện các kỹ năng thực hành nghề cho người học. Đặc biệt là những kiến thức về an toàn an ninh phòng

ở khách sạn **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

7. Nghiệp vụ pha chế (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 2(26,8,30,60)

- **Học phần học trước** : Không

- **Tóm tắt nội dung học phần**:

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng quan trọng về vai trò nhiệm vụ của người pha chế thức uống chuyên nghiệp, nguồn gốc của thức uống, nhiều khía cạnh của các loại thức uống không cồn, các loại bia, rượu mạnh và các loại rượu mùi, qua đó sinh viên có thể nắm được tính chất của các loại rượu để pha chế các loại cocktail theo đúng công thức qua việc áp dụng các kỹ năng cơ bản về việc pha chế, sự khác biệt về phong tục, văn hóa, và nhiều phong cách phục vụ thức uống khác nhau. Sinh viên còn được trang bị thêm kiến thức để tính chi phí cho từng loại thức uống, cách sáng tạo các loại cocktail mới cho riêng mình.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận và Thực hành

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

8. Du lịch điện tử (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 2(26,8,30,60)

- **Học phần học trước** : Tổng quan về du lịch

- **Tóm tắt nội dung học phần**:

Học phần cung cấp những kiến thức nền tảng khai thác công nghệ thông tin trong lĩnh vực kinh doanh du lịch. Học phần này cũng cung cấp cách tiếp cận hệ thống từ góc độ doanh nghiệp về tư duy cho các nhà quản lý cách thức khai thác công nghệ thông tin một cách hiệu quả, sáng tạo để tạo ra lợi thế cạnh tranh trong môi trường kinh doanh cạnh tranh mang tính toàn cầu hiện nay. Nội dung học phần cũng giới thiệu và cho phép sinh viên làm quen với các website và phần mềm ứng dụng trong lĩnh vực quản lý khách sạn và lữ hành.

- **Hoạt động giảng dạy** : Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần**: Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).

- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

9.3. Thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp

9.3.1. Thực tập tốt nghiệp (6 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: 6(0, 180, 180, 360)

- **Tóm tắt nội dung học phần**:

Học phần tạo điều kiện cho sinh viên tiếp tục được tiếp cận với thực tế, đi thực tập tại các doanh nghiệp, đơn vị cung ứng dịch vụ du lịch như các công ty kinh doanh lữ hành, các khách sạn, nhà hàng và các đơn vị kinh doanh dịch vụ liên quan khác. Từ đó có thêm những kiến thức thực tế và làm báo cáo thực tập, đưa ra các giải pháp, định hướng đóng góp phát triển cá nhân. Giúp sinh viên củng cố thêm về nhận thức lý luận và tiếp cận với thực tiễn hoạt động tại các doanh nghiệp.

- **Đánh giá kết quả báo cáo thực tập**

- Điểm kiểm tra thường xuyên: trọng số 20%

- Điểm đánh giá của cơ sở thực tập: trọng số 20%

- Điểm trình bày báo cáo thực tập: trọng số 60%

9.3.2. Khóa luận tốt nghiệp (8 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập**: : 8(0, 240, 240, 480)

- **Tóm tắt nội dung học phần**:

Trong quá trình thực tập tốt nghiệp sinh viên tự tổng hợp, vận dụng những kiến thức chuyên ngành đã học để giải quyết những vấn đề liên quan đến du lịch, lữ hành,

khách sạn, ở tâm vĩ mô và trong các doanh nghiệp, khách sạn, cơ sở phục vụ du lịch qua đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình.

- **Đánh giá kết quả khóa luận tốt nghiệp**
- Điểm giảng viên hướng dẫn: trọng số 20%
- Điểm giảng viên phản biện: trọng số 20%
- Điểm trung bình cộng của hội đồng bảo vệ khóa luận: trọng số 60%

9.3.3. Các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp (8 tín chỉ)

1. Kinh tế du lịch (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 3(36,18,45,90)
- **Học phần học trước :** Đã học xong các học phần và Thực tập tốt nghiệp.
- **Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về kinh tế du lịch, thị trường du lịch. Từ đó, sinh viên có thể nhận diện, đọc hiểu, phân tích được các tác động của du lịch đến đời sống kinh tế xã hội. Hiểu được các vấn đề về tổ chức quản lý ngành du lịch Việt Nam nói chung và của doanh nghiệp nói riêng. Ngoài ra, kiến thức học phần cũng giúp sinh viên thu thập và phân tích các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội của hoạt động kinh doanh du lịch trong doanh nghiệp.

- **Hoạt động giảng dạy :** Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

- a) Điểm học phần được xác định:
 - Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).
 - Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)
- b) Hình thức thi: Tự luận.
- c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

2. Quản trị khách sạn nhỏ (3 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 3(36,18,45,90)
- **Học phần học trước:** Đã học xong các học phần và Thực tập tốt nghiệp.
- **Tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần gồm 4 chương: Tổng quan về quản trị khách sạn nhỏ; Quản lý các nghiệp vụ phục vụ lưu trú trong khách sạn nhỏ; Quản lý các nghiệp vụ phục vụ ăn uống trong khách sạn nhỏ; Quản lý các nghiệp vụ hành chính tổng hợp.

- **Hoạt động giảng dạy :** Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

d) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).
- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

e) Hình thức thi: Tự luận.

f) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

3. Quản trị dịch vụ vận chuyển (2 tín chỉ)

- **Phân bố thời gian học tập:** 2(26,8,30,60)

- **Học phần học trước :** Đã học xong các học phần và Thực tập tốt nghiệp.

- **Tóm tắt nội dung học phần:**

Nội dung chính của học phần bao gồm: Những khái niệm cơ bản về dịch vụ vận chuyển, dịch vụ vận chuyển du lịch, kinh doanh dịch vụ vận chuyển du lịch, các loại hình vận chuyển, chủ sở hữu đối với phương tiện vận chuyển; Hiệu suất kinh doanh kinh doanh; Các dịch vụ và tiện nghi trong kinh doanh dịch vụ vận chuyển, chất lượng dịch vụ vận chuyển tàu bay, tàu thủy, tàu hỏa, ô tô ...

- **Hoạt động giảng dạy :** Kết hợp giữa thuyết trình, làm mẫu và làm việc nhóm.

- **Phương pháp đánh giá học phần:** Theo qui chế đào tạo hiện hành của Trường ĐHV B trong đó có các điểm bộ phận như sau:

a) Điểm học phần được xác định:

- Điểm quá trình (chiếm tỷ trọng 30%).
- Điểm thi kết thúc học phần (chiếm tỷ trọng 70%)

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Nội dung thi: Phải gồm cả nội dung giảng và nội dung tự học của sinh viên, khuyến khích ra đề theo hướng mở. Nội dung cần đảm bảo 70% kiến thức cơ bản và 30% kiến thức liên hệ vận dụng vào thực tiễn.

10. Hướng dẫn thực hiện chương trình

10.1. Khoa Du lịch

Xếp lịch dạy học: Khi xây dựng lịch dạy học cho mô hình quản lý theo hệ thống tín chỉ, phòng đào tạo cần phân định rõ các học phần/tín chỉ độc lập hay phụ thuộc:

- Các học phần độc lập: Là các học phần không cần điều kiện học trước và sự nhận thức chung không cần đến các kiến thức của các học phần khác (học phần trước).

Do vậy có thể bố trí dạy các học phần này vào bất cứ thời điểm nào trong quá trình đào tạo. Đó là các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và một số học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

- Các học phần phụ thuộc là những học phần cần trang bị trước những kiến thức của một hay một số học phần khác thì sinh viên mới có thể nhận thức được. Do đó cần bố trí các học phần này theo trình tự logic trước - sau một cách rõ ràng.

- Các học phần còn lại không có điều kiện học trước, nhưng phải học xong trước thực tập tốt nghiệp.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khóa học bao gồm: Kế hoạch tiến độ, kế hoạch thi, kế hoạch các mốc công việc trong suốt khóa học.

- Phân thời khóa biểu khoa học, đúng quy định, không học dồn...

- Theo dõi, nhắc nhở khoa, giáo viên, sinh viên thực hiện đúng các nội dung trong chương trình.

- Tổ chức thi để đánh giá kết quả giảng dạy và học tập.

- Hướng dẫn quy chế - đào tạo cho sinh viên, giảng viên tư vấn.

- Lập hội đồng bảo vệ khóa luận tốt nghiệp/thi tốt nghiệp và lập hồ sơ xét tốt nghiệp cho sinh viên.

- Thông báo cho sinh viên biết trước các thông tin liên quan đến dạy - học ngay từ đầu khóa học:

+ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ (Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

+ Danh sách giảng viên lý thuyết, thực hành tại trường.

+ Các học phần bắt buộc.

+ Các học phần tự chọn.

+ Các học phần phụ thuộc/độc lập.

+ Các học phần được giảng dạy trong từng học kỳ để sinh viên đăng ký.

+ Đề cương học phần/Học phần.

+ Hình thức/phương pháp thi/đánh giá kết quả học tập.

+ Tài liệu học tập.

+ Tổ chức phân công cán bộ tư vấn cho các lớp, tư vấn giải quyết các đăng ký lựa chọn học phần, giảng viên của sinh viên.

- Phân công giảng viên xây dựng bài giảng, file trình chiếu theo giáo trình đã chọn, tổ chức kiểm tra và ký duyệt trước khi giảng viên lên lớp.

- Khoa chủ động thay thế giảng viên (nếu cần thiết) nhưng phải đảm bảo nguyên tắc giảng dạy tốt nhất.

- Khoa và giảng viên được phân công phải cung cấp kế hoạch bài giảng (theo mẫu) hoặc đề khoa quản lý, bài giảng, bài tập để sinh viên phô-tô làm tài liệu học tập và lưu trữ tại khoa.

- Đề xuất việc mua sắm để đảm bảo vật tư, phương tiện thiết bị ngay từ đầu các năm học.

- Lưu trữ các hồ sơ, tài liệu giảng dạy của giảng viên tại khoa.
- Xây dựng và công bố cho sinh viên ngay từ đầu khóa học danh mục đề án học phần, danh mục đề tài tốt nghiệp và các form mẫu.

10.2. Tổ chức và phương pháp dạy học

- Áp dụng phương pháp dạy học tích cực lấy sinh viên làm trung tâm. Coi trọng chủ động trong học tập và tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.
- Áp dụng các phương pháp dạy - học phát huy được tích cực, sáng tạo của sinh viên, sinh viên thực hành các năng lực nghề nghiệp du lịch.
- Tăng cường hiệu quả các buổi thực hành chi tiết, chú trọng hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên, tăng cường giảng dạy cụ thể, chi tiết chú trọng hướng dẫn và tạo điều kiện cho sinh viên, tăng cường tự thực hành.
- Sinh viên được biết trước lịch học, các bài tập tình huống, chủ đề thảo luận...
- Hướng dẫn sinh viên tìm đọc tài liệu dạy học.
- Tăng cường thảo luận nhóm.

10.3. Làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học tích lũy kiến thức tốt nghiệp

10.3.1 Làm khóa luận tốt nghiệp

Điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp: Theo quy định của Trường Đại học Việt Bắc.

- Sinh viên đã hoàn thành và đạt tất cả các học phần (trừ thực tập tốt nghiệp) tính thời điểm xét giao đề tài khóa luận tốt nghiệp.
- Sinh viên đạt điểm trung bình học tập (theo kết quả thi lần đầu từ 2.80 trở lên đến thời điểm xét giao đề tài khóa luận tốt nghiệp)
 - Điểm rèn luyện: Sinh viên có điểm rèn luyện toàn khóa xếp loại Tốt trở lên.
 - Sinh viên đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp đúng thời điểm quy định.
 - Số lượng: Hàng năm Hiệu trưởng quyết định số lượng sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp tùy thuộc vào điều kiện hiện có về cán bộ hướng dẫn, cơ sở vật chất và thành tích học tập của sinh viên lấy từ cao nhất trở xuống, nhưng không vượt quá 15% tổng sinh viên toàn khóa.
- Chủ đề làm khóa luận tốt nghiệp: Sinh viên được chọn một trong các chủ đề do Khoa hướng dẫn.
 - Sinh viên được chọn thầy hướng dẫn khóa luận.
 - Mỗi giảng viên (đúng chuyên ngành) chỉ được hướng dẫn không quá 10 sinh viên làm khóa luận.
 - Sinh viên có thể triển khai khóa luận trong thời gian thực tập tốt nghiệp.
 - Sinh viên phải nộp khóa luận tốt nghiệp sau khi kết thúc thời gian làm khóa luận cuối khóa học.
- Khóa luận được tổ chức chấm trong thời gian 2 tuần kể từ khi kết thúc thời gian làm khóa luận.

- Điểm khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

- Chấm khóa luận tốt nghiệp theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của nhà trường.

10.3.2 Học và thi một số học phần (tích lũy kiến thức tốt nghiệp)

- Đối tượng: Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp.

- Sinh viên đăng ký học và thi một số học phần trong khối kiến thức các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp.

- Học và thi đạt yêu cầu các học phần với khối lượng tương đương với số tín chỉ làm khóa luận tốt nghiệp (8 tín chỉ)

Điểm các học phần này được tính vào điểm trung bình tích lũy của khóa học.

10.4. Các bộ phận chức năng khác

Phối hợp quản lý sinh viên, kiểm định chất lượng chương trình theo các tiêu chí của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tạo điều kiện về cơ sở vật chất, môi trường học tập, nề nếp để phục vụ giảng dạy tốt hơn.

10.5. Công nhận tốt nghiệp

- Những sinh viên tích lũy đủ 125 tín chỉ và có đủ điều kiện khác theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ được công nhận tốt nghiệp.

10.6. Điều kiện tối thiểu thực hiện chương trình đào tạo

10.6.1 Đội ngũ giảng viên

- Giảng viên giảng dạy phải có đủ điều tiêu chuẩn giảng viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Giảng dạy lý thuyết và thực hành do giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng thực hiện.

10.6.2. Cơ sở vật chất

- Cơ sở đào tạo phải đảm bảo cơ sở vật chất theo quy định và hướng dẫn hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo như giảng đường, thư viện, phòng thực tập, thực hành, trang thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy tích cực, phòng máy tính có kết nối internet.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Nguyễn Đăng Bình